

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên :Trần Thị Nga

Giảng viên hướng dẫn : TS Nguyễn Xuân Năm

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU
TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH : KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Nga

Giảng viên hướng dẫn: TS Nguyễn Xuân Năm

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Nga..... Mã SV : 110291

Lớp: QT1104K Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ
phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

-Về lý luận: Tìm hiểu về việc tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp: việc phân loại, đánh giá, hạch toán các nghiệp vụ.....

-Về thực tiễn: Tìm hiểu việc tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng.

-Số liệu cần tính toán: Nhập-Xuất nguyên vật liệu tại công ty, tổng hợp và đánh giá nguyên vật liệu,.....

-Các bản vẽ: Sơ đồ công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, sơ đồ luân chuyển chứng từ,.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

-Lượng vật liệu tồn kho đầu kỳ

-Giá nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ.

-khối lượng từng loại nguyên vật liệu nhập xuất trong kỳ.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng.

Địa chỉ: 1190 Trần Nhân Tông_Kiến An_Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Xuân Năm

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường cao đẳng nghề du lịch Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Trần Thị Nga

Nguyễn Xuân Năm

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUỠT *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:
Sinh viên Trần Thị Nga có tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu nghiêm túc chăm chỉ cầu thị.

Sinh viên hoàn thành tốt tiến độ luận văn theo yêu cầu, quy chế nhà trường và tranh thủ được sự hướng dẫn của giáo viên để bổ sung hoàn thiện đề tài theo yêu cầu, nhiệm vụ của khóa luận tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Luận Văn có bố cục rõ ràng, trình bày mạch lạc, đáp ứng tốt yêu cầu của khóa luận tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán, cụ thể:

Chương I: Tác giả đã tóm tắt được những nội dung cơ bản về công tác tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương II: Sau khi giới thiệu khái quát về cơ cấu tổ chức và đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng, tác giả đã khái quát được thực trạng công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty, có trích dẫn số liệu, mẫu sổ kế toán minh họa trình tự hạch toán nguyên vật liệu cụ thể, phù hợp.

Chương III: Tác giả đã đánh giá ưu, nhược điểm của công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện có căn cứ lý luận thực tiễn, tương đối phù hợp với tình hình thực tế của công ty, việc đề xuất tổ chức 1 số chỉ tiêu phân tích khoản chi nguyên vật liệu trong giá thành là rất cần thiết, nhằm giúp doanh nghiệp có phương hướng phấn đấu giảm giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,5 điểm(chín điểm rưỡi)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

Nguyễn Xuân Năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập_Tự do_Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Trần Thị Nga Ngày sinh: 12 tháng 01 năm 1989.

Lớp QT1104K Ngành: Kế toán kiểm toán. Khóa: 11.

Thực tập tại: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng

Từ ngày :14 /02/ 2011 đến ngày: 27/03/ 2011.

1.Về tinh thần,thái độ, ý thức tổ chức kỉ luật:

Nhiệt tình năng động với công việc được giao, có ý thức khiêm tốn và cẩn trọng trong công việc, luôn cầu thị. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của doanh nghiệp trong quá trình thực tập.

2.Về những công việc được giao:

Hoàn thành tốt các công việc được giao,có ý thức học hỏi chịu khó nghiên cứu tài liệu

Có nhiều ý kiến được lãnh đạo xem xét và đánh giá là có khả quan.

3.Kết quả đạt được:

Hoàn thành khối lượng công việc trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp.

Hải Phòng ngày 28 tháng 3 năm 2011

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập

Cán bộ hướng dẫn của cơ sở thực tập

Trưởng phòng TCHC

Bùi Thị Lan

Trần Quý Hai

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....1.

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....2.

1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....2.

1.1.Vị trí của vật liệu đối với quá trình xây lắp.....2.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.....2.

1.1.2.Vai trò của nguyên vật liệu.....2.

1.1.3.Yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp xây lắp.....2.

1.2.Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.....3.

2. PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU4.

2.1. Phân loại nguyên vật liệu.....4.

2.1.1. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu.....4.

2.1.2. . Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.....4.

2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.....5.

2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.....5.

2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.....6.

2.2.2.1.Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.....6.

2.2.2.2. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.....7.

3.NỘI DUNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....9

3.1.Kế toán chi tiết vật liệu.....9

3.1.1. Chứng từ, sổ kế toán chi tiết sử dụng.....	9.
3.1.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu, công cụ-dụng cụ.....	9.
3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song.....	10.
3.1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12.
3.1.2.3. Phương pháp sổ số dư.....	14.
3.2. kế toán tổng hợp vật liệu.....	15.
3.2.1. Kế toán tổng hợp VL theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.....	15
3.2.1.2. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu.....	16
3.2.1.2.1. Kế toán tổng hợp các trường hợp tăng vật liệu.....	16
3.2.1.2.2. Kế toán tổng hợp các trường hợp giảm vật liệu.....	19
3.2.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	23
3.2.2.1. Khái niệm.....	23
3.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	23
3.2.2.3. Trình tự kế toán.....	24
3.3. Sổ kế toán tổng hợp vật liệu.....	27
3.3.1. Hình thức kế toán.....	27.
3.3.2. Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.....	29.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5.....	30.
1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 5.....	30.
1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển của công ty.....	30.
1.2. Chức năng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	30.
1.3. Tổ chức bộ máy quản lý ở công ty.....	31.
1.4. Tổ chức kế toán ở công ty.....	33.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG.....	37
<i>2.1. Đặc điểm, quản lý nguyên vật liệu tại công ty.....</i>	<i>37.</i>
<i>2.2. Phân loại ,Đánh giá vật liệu công cụ dụng cụ ở công ty.....</i>	<i>38</i>
<i>2.3.Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty CPĐTXD Số 5.....</i>	<i>40</i>
<i>2.3.1.Thủ tục nhập _ xuất nguyên vật liệu.....</i>	<i>40</i>
<i>2.3.2.Phương pháp kế toán chi tiết vật liệu.....</i>	<i>44.</i>
<i>2.4.Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CPĐTXD Số 5.....</i>	<i>54.</i>
<i>2.4.1.Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>54.</i>
<i>2.4.2.Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>54.</i>
<i>2.4.3.Quy trình hạch toán.....</i>	<i>55.</i>
<i>2.4.3.1. Kế toán tổng hợp nhập kho vật liệu.....</i>	<i>55.</i>
<i>2.4.3.2. Kế toán tổng hợp xuất kho vật liệu.....</i>	<i>62.</i>
<i>2.5. Công tác kiểm kê kho tại công ty.....</i>	<i>66.</i>

Phần thứ 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5.....	69.
1.ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5.....	69
<i>1.1.Uu điểm.....</i>	<i>70.</i>
<i>1.2.Hạn chế.....</i>	<i>71</i>
2.MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY.....	72.

2.1.Nguyên tắc hoàn thiện.....	72.
2.2.Yêu cầu hoàn thiện.....	73.
KẾT LUẬN.....	83.

Lời cảm ơn

- ❖ Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo nhà trường đã tạo cơ hội cho em có điều kiện làm luận văn . Đây là cơ hội cho sinh viên có điều kiện trau dồi kiến thức hơn đặc biệt là nghiên cứu chuyên sâu về mảng đề tài nguyên vật liệu.
- ❖ Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Nguyễn Xuân Năm đã tận tình giúp đỡ em trong quá trình làm khóa luận. Hướng dẫn em có thể hoàn thành bài viết của mình theo hướng hoàn thiện nhất.
- ❖ Em xin cảm ơn các cô chú, anh chị trong ban lãnh đạo công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5 đã cung cấp cho em những tư liệu để em viết báo cáo khóa luận này.
- ❖ Trong quá trình viết bài em tìm hiểu thêm được nhiều kiến thức về kế toán, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu. Nhưng do trình độ còn hạn chế em mong nhận được sự góp ý của thầy cô trong hội đồng để em hiểu sâu hơn về mảng đề tài nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây lắp

Em xin chân thành cảm ơn.

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay trong nền kinh tế quốc dân nói chung và trong từng doanh nghiệp xây lắp nói riêng đã không ngừng được đổi mới và phát triển cả hình thức, quy mô và hoạt động xây lắp.

Chi phí vật liệu là một trong những yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng từ 70% giá trị công trình. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong việc quản lý chi phí của doanh nghiệp. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5 em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu đề tài "Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng" làm chuyên đề tốt nghiệp của mình. Nội dung của chuyên đề ngoài lời mở đầu và kết luận được chia làm 3 phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu ở doanh nghiệp xây lắp.

Phần thứ hai: Tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5.

Phần thứ ba: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song với lượng kiến thức tích lũy được còn ít ỏi và thời gian hạn chế, nên chắc chắn chuyên đề không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy, cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.

1.1.Vị trí của vật liệu đối với quá trình xây lắp.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra hoặc vào chi phí kinh doanh trong kì.

1.1.2.Vai trò của nguyên vật liệu

Xét về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng của tài sản lưu động.

Xét về mặt giá trị: Nguyên vật liệu là bộ phận quan trọng của vốn lưu động.

Mặt khác chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm, cho nên cần phải tăng cường công tác kế toán nguyên vật liệu, quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ nhằm sử dụng nguyên vật liệu một cách chặt chẽ và có hiệu quả.

1.1.3.Yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp xây lắp.

Để làm tốt công tác hạch toán vật liệu trên đòi hỏi chúng ta phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu từ thu mua, bảo quản tới khâu dự trữ và sử dụng. Cụ thể:

Khâu thu mua: Để quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường thì doanh nghiệp phải thường xuyên đảm bảo cho các loại nguyên vật liệu được

thu mua đủ khối lượng, đúng quy cách, chủng loại. Kế hoạch thu mua đúng tiến độ phù hợp với kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu mua để từ đó chọn nguồn mua đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả và chi phí thu mua thấp nhất.

Khâu bảo quản: Tổ chức bảo quản nguyên vật liệu phải quan tâm tới việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo kiểm tra, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu, tránh hư hỏng mất mát, hao hụt đảm bảo an toàn là một trong những yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

Khâu dự trữ: Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển hóa của nguyên vật liệu, hạn chế nguyên vật liệu bị ứ đọng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh là một đòi hỏi đối với khâu dự trữ. Do đó, doanh nghiệp phải xây dựng định mức tối đa và định mức dự trữ tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị đình trệ, gián đoạn do việc cung cấp, thu mua không kịp thời hoặc gây ra tình trạng ứ đọng vốn do việc dự trữ quá nhiều.

Khâu sử dụng: Quản lý ở khâu sử dụng phải thực hiện việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp chi phí, tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm tăng tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy, ở khâu này cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

1.2.Nhiệm vụ của kế toán trong việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc phân loại, đánh giá vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp.
- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để ghi chép, phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình biến động tăng, giảm của vật liệu

trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh, xác định trị giá vốn hàng bán.

- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về mua vật liệu, kế hoạch sử dụng vật liệu cho sản xuất và kế hoạch bán hàng.

Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là rất cần thiết do vậy doanh nghiệp cần phải tổ chức khoa học hợp lý để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ phục vụ cho yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

2. PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

2.1. Phân loại nguyên vật liệu :

2.1.2. Sự cần thiết phải phân loại nguyên vật liệu:

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải sử dụng rất nhiều loại, thứ nguyên vật liệu khác nhau với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa khác nhau. Khi tổ chức hạch toán chi tiết đối với từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho kế toán quản trị, doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Phân loại nguyên vật liệu là việc phân chia nguyên vật liệu của doanh nghiệp thành các loại các nhóm theo tiêu thức phân loại nhất định.

2.1.2. . Phương pháp phân loại nguyên vật liệu.

a. Căn cứ vào nội dung kinh tế nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- + Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp xây lắp, là cơ sở vật chất cấu thành lên thực thể chính của sản phẩm.
- + Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm.
- + Nhiên liệu: Về thực thể là một loại vật liệu phụ, nhưng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình thi công, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm có thể diễn ra bình thường.
- + Phụ tùng thay thế: Là những loại vật tư, sản phẩm dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất...
- + Thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào các công trình xây dựng cơ bản.

+ Phế liệu: Là các loại vật liệu loại ra trong quá trình thi công xây lắp như gỗ, sắt, thép vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định

b. Căn cứ vào nguồn gốc nguyên vật liệu, chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài.
- Nguyên vật liệu tự chế biến, thuê gia công.
- Nguyên vật liệu từ các nguồn khác: nhận góp vốn, cấp phát, tài trợ.

c. Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh gồm:
 - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
 - + Nhượng bán;
 - + Đem góp vốn liên doanh;
 - + Đem quyên tặng.

2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.

2.2.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu:

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định giá trị của vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc nhất định.

- **Nguyên tắc giá gốc:** Theo chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Nguyên tắc thận trọng:** Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể được thực hiện. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- **Nguyên tắc nhất quán:** Các phương pháp kế toán áp dụng trong đánh giá vật liệu phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh

nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn, nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

Sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- + Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua.
- + Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập.
- + Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất.
- + Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ.

2.2.2.Đánh giá nguyên vật liệu.

2.2.2.1.Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá trị của chúng trong từng trường hợp được xác định như sau:

- **Nhập kho do mua ngoài:**

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{Các khoản thuế nhập khẩu thuế khác (nếu có)} + \frac{\text{Chi phí mua thực tế}}{(\text{Chi phí vận chuyển bốc xếp})} - \text{Các khoản chiết khấu giảm giá (nếu có)}$$

Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

Trường hợp vật liệu mua vào được sử dụng cho đối tượng không chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, hoặc sử dụng cho các mục đích phúc lợi, các dự án... thì bao gồm cả thuế GTGT (là tổng giá thanh toán).

- **Nhập kho do tự sản xuất:**

Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá thành sản xuất của nguyên vật liệu tự sản xuất chế biến.

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế xuất kho} + \text{Chi phí giá công chế biến}$$

- **Nhập kho do thuê ngoài gia công chế biến:**

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá thực tế vật liệu xuất thuê chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ đến nơi thuê chế biến} + \text{Số tiền phải trả cho đơn vị gia công chế biến}$$

- **Nhập vật tư do nhận vốn góp liên doanh:**

Trị giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho là giá do hội đồng liên doanh thoả thuận cộng các chi phí phát sinh khi nhận.

- **Nhập vật tư do được cấp:**

Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí phát sinh khi nhập.

- **Nhập vật tư do được biếu tặng, được tài trợ:**

Trị giá vốn thực tế nhập kho là giá trị hợp lý cộng các chi phí khác phát sinh

2.2.2.2. Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho.

Áp dụng một trong 4 phương pháp:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh:**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật liệu thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho

+ Ưu điểm: Công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô nguyên vật liệu.

+ Nhược điểm: Áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại, từng thứ riêng lẻ.

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\begin{array}{lcl} \text{Trị giá vốn thực tế} & = & \text{Số lượng vật liệu} \times \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{vật liệu xuất kho} & & \text{xuất kho} \quad \text{gia quyền} \\ & & \text{tồn đầu kỳ} \quad + \quad \text{nhập trong kỳ} \\ \text{Đơn giá} & = & \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}} \\ \text{bình quân} & & \end{array}$$

Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại vật liệu.

Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định.

Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập hoặc tính vào thời điểm trước mỗi lần xuất được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay đơn giá bình quân di động.

$$\begin{array}{l} \text{ĐGBQ} \\ \text{Sau mỗi lần} \\ \text{nhập} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn kho cuối ngày (cuối} \\ \text{kỳ) trước chuyển sang} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá NVL nhập kho} \\ \text{đến thời điểm xuất kho} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn kho cuối ngày} \\ \text{(cuối kỳ) trước chuyển sang} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng lượng NVL nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

- ***Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).***

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

- ***Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).***

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

+ Ưu điểm: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

+ Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả của vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

- ***Phương pháp tính theo đơn giá tồn đầu kỳ.***

Phương pháp này tính trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá thực tế của nguyên vật liệu tồn đầu kỳ.

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{vật liệu xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array}$$

3.NỘI DUNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẬP

3.1.Kế toán chi tiết vật liệu

3.1.1. Chứng từ, sổ kế toán chi tiết sử dụng:

****Các chứng từ kế toán về vật liệu bao gồm:***

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- Hoá đơn (GTGT)-MS 01 GTKT- LN
- Hoá đơn bán hàng mẫu 02 GTKT- LN
- Hoá đơn cước vận chuyển (Mẫu 03-BH)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ hướng dẫn:

- Biên bản kiểm nghiệm (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)

Các sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Tuỳ thuộc vào phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ (thẻ) kế toán chi tiết như sau:

- Thẻ kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu.
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên, còn có thể sử dụng các bảng kê nhập, xuất ,các bảng lũy kế tổng hợp nhập- xuất -tồn nguyên vật liệu phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời

3.1.2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu, công cụ-dụng cụ:

Hiện nay trong các doanh nghiệp sản xuất, việc hạch toán vật liệu giữa kho và phòng kế toán có thể thực hiện theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp sổ đối chiếu lưu chuyển
- Phương pháp sổ số dư

3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song

- **Nội dung:**

- + **Ở kho:** Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật tư theo chỉ tiêu số lượng.

Khi nhận chứng từ nhập, xuất vật tư thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập- xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

- + **Ở phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập- xuất cho từng thứ vật tư theo cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) chi tiết vật tư. Mỗi chứng từ được ghi một dòng.

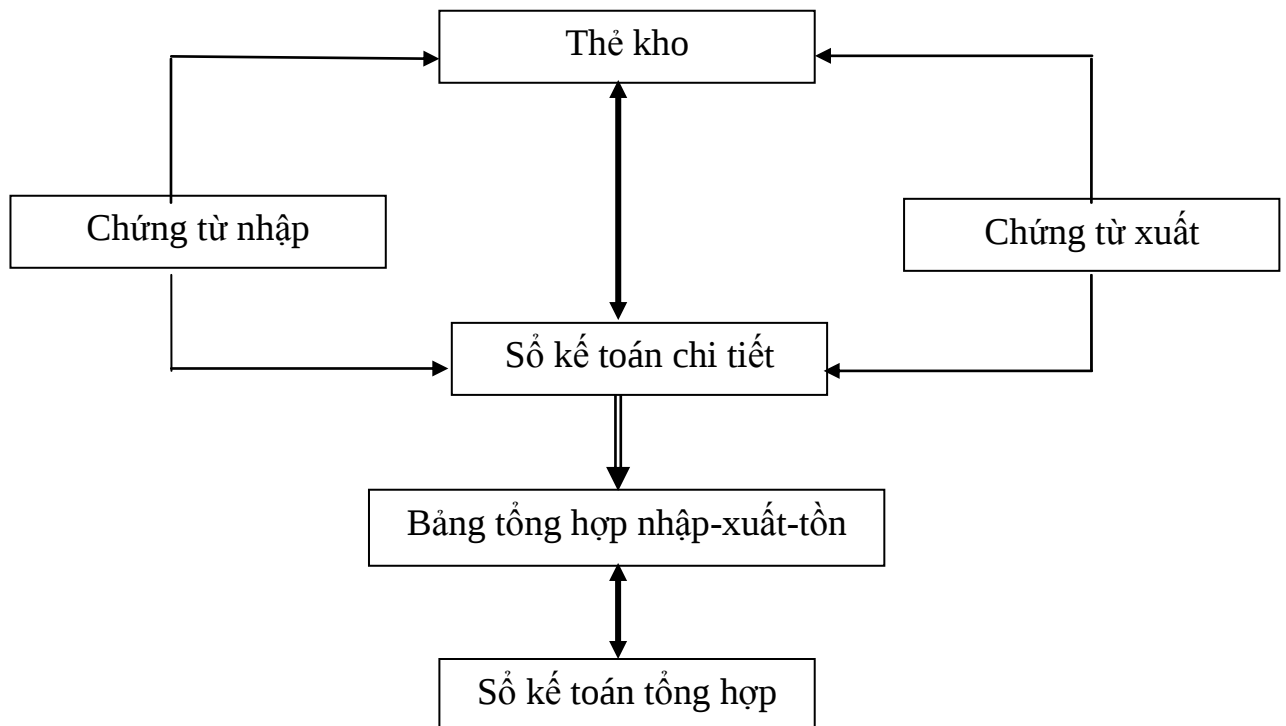
Cuối tháng, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn trên sổ kế toán tổng hợp, sau đó tiến hành đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
 - + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
 - + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

Có thể khái quát nội dung, trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp ghi sổ song song theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ

song song.



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi cuối tháng
 $\longleftrightarrow$ Đối chiếu

Ưu điểm:

Phương pháp này ghi chép đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra đối chiếu.

Nhược điểm:

+ Khối lượng ghi chép lớn (đặc biệt trường hợp doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư)

+ Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng

• **Điều kiện áp dụng:**

+ *Đối với kế toán thủ công:* Thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, phát sinh không thường xuyên.

+ *Đối với doanh nghiệp ứng dụng phần mềm kế toán:* Áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp có chủng loại vật tư nhiều, các nghiệp vụ kế toán nhập, xuất thường xuyên.

3.1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

- **Nội dung:**

+ **Ở kho:** Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

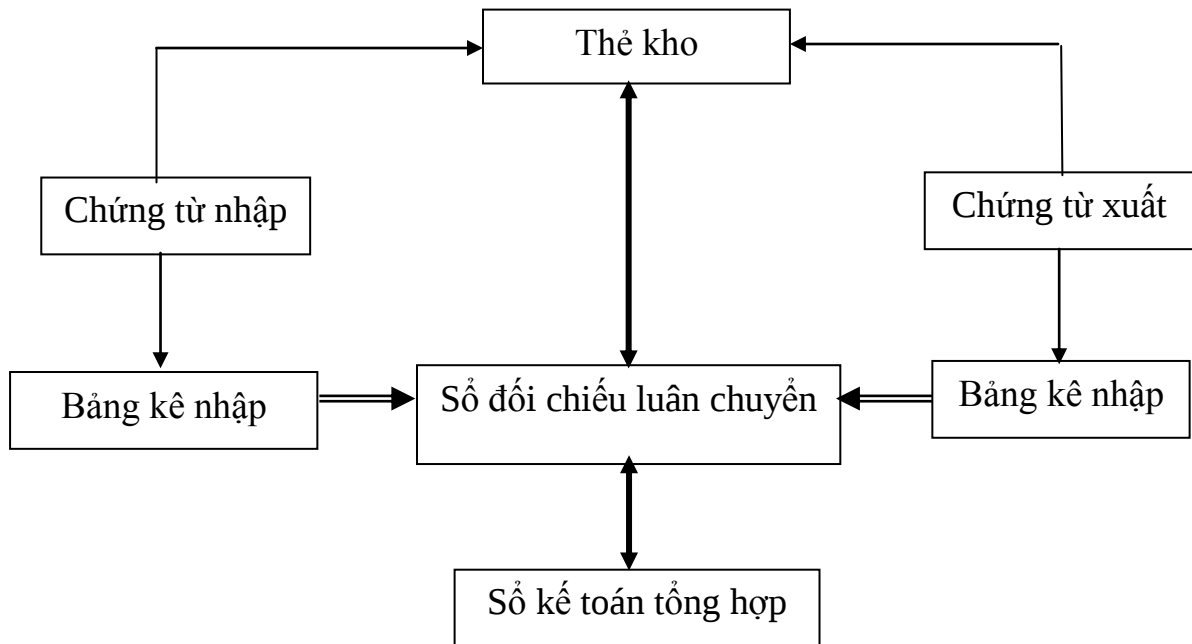
+ **Ở phòng kế toán:** Kế toán sử dụng “Sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. “Sổ đối chiếu luân chuyển” được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư được ghi một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập - xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ vật tư, chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập “bảng kê nhập”, “bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ các chứng từ (hoặc từ bảng kê) để ghi vào “Sổ đối chiếu luân chuyển” cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Đồng thời kế toán thực hiện đối chiếu số liệu trên sổ này với các số liệu trên thẻ kho và trên sổ kế toán tài chính liên quan (nếu cần).

Trình tự ghi sổ có thể được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

- **Ưu điểm:** Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.
- **Nhược điểm:**
 - + Vẫn trùng lặp chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán.
 - + Việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng, vì vậy hạn chế việc kiểm tra của phòng kế toán.
- **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít, không có điều kiện theo dõi, ghi chép thường xuyên tình hình nhập, xuất hàng ngày. Phương pháp này thường được áp dụng ít trong thực tế.

3.1.2.3. Phương pháp sổ sổ dư:

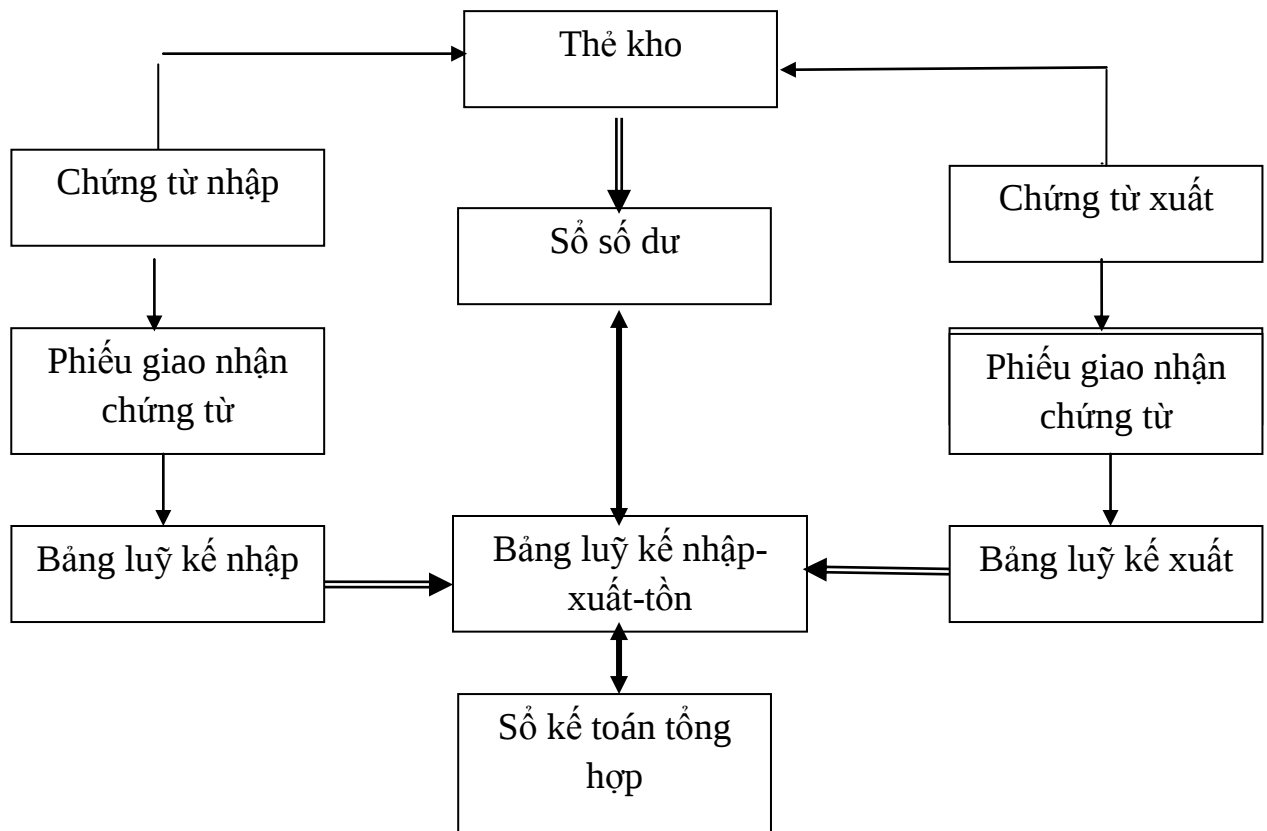
- **Nội dung:**

+ **Ở kho:** Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép giống như hai phương pháp ghi trên. Đồng thời cuối tháng, thủ kho còn ghi vào “sổ sổ dư” số lượng tồn kho cuối tháng của từng thứ nguyên vật liệu.

Sổ sổ dư do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. Trên sổ sổ dư nguyên vật liệu được xếp theo thứ, nhóm, loại. Sau mỗi nhóm, loại có dòng cộng nhóm, cộng loại. Cuối tháng, sổ sổ dư được chuyển cho thủ kho ghi chép.

+ **Ở phòng kế toán:** Mở bảng kê lũy kế nhập và bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng căn cứ vào các bảng kê này để cộng tổng số tiền theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng lũy kế nhập- xuất- tồn. Đối chiếu số liệu trên bảng lũy kế nhập- xuất- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Sơ đồ 3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ sổ dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu

- **Ưu điểm:**

Phương pháp này đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện kiểm tra được thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho. Công việc được dàn đều trong tháng.

- **Nhược điểm:**

Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ nguyên vật liệu nên phải căn cứ vào thẻ kho thì mới có được số liệu về tình hình nhập, xuất, tồn của từng thứ nguyên vật liệu.

- **Điều kiện áp dụng:**

Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại nguyên vật liệu, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thường xuyên. Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hợp lý.

3.2. Kế toán tổng hợp vật liệu

- Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại vật liệu, công cụ dụng, thành phẩm, hàng hoá... trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập, xuất hàng tồn kho. Phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho được áp dụng trong phần lớn các doanh nghiệp sản xuất và các doanh nghiệp thương mại, kinh doanh những mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, ô tô...

- Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho là phương pháp không theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất hàng tồn kho trên các tài khoản hàng tồn kho, mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ hàng tồn kho.

3.2.1. Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

3.2.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

* Tài khoản 152 có thể mở thành tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại nguyên liệu vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán giá trị của doanh nghiệp, bao gồm:

Tài khoản 1521	Nguyên liệu vật liệu chính
Tài khoản 1522	Vật liệu phụ
Tài khoản 1523	Nhiên liệu
Tài khoản 1524	Phụ tùng thay thế
Tài khoản 1525	Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản
Tài khoản 1528	Vật liệu khác

* Tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"

* Tài khoản 331 "Phải trả người bán"

Ngoài các tài khoản trên, kế toán tổng hợp tăng vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng nhiều tài khoản liên quan khác như: TK 111 (1), TK (112 (1), TK 141, TK 128, TK 222, TK 411, TK 627, TK 641 và TK 642.

3.2.1.2. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu:

3.2.1.2.1. Kế toán tổng hợp các trường hợp tăng vật liệu

a. Tăng vật liệu do mua ngoài.

- Trường hợp hàng và hoá đơn cùng về: căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 152	Nguyên vật liệu
Có TK 111 (1)	Tiền mặt
Có TK 112 (1)	Tiền gửi ngân hàng
Có TK 141	Tạm ứng
Có TK 331	Phải trả người bán
Có TK 311	Vay ngắn hạn

- Trường hợp hàng về chưa có hoá đơn: Nếu có trong tháng về nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa nhận được hoá đơn, kế toán sẽ ghi giá trị vật liệu nhập kho theo giá tạm tính:

Nợ TK 152	Nguyên vật liệu
Có TK 331	Phải trả cho người bán

Khi nhận được hoá đơn sẽ tiến hành điều chỉnh giá tạm ứng theo giá thực tế (giá ghi trên hoá đơn) theo số chênh lệch giữa hoá đơn và giá tạm tính cụ thể:

Nợ TK 152	Nguyên vật liệu
Có TK 331	Phải trả cho người bán

Nếu chênh lệch sẽ ghi đỏ:

- Trường hợp hàng đang đi đường: Nếu trong tháng nhận được hoá đơn cuối tháng hàng vẫn chưa về nhập kho, kế toán phải phản ánh giá trị hàng đang đi đường vào tài khoản 151 "Hàng mua đi đường":

Nợ TK 151	Hàng mua đang đi đường
Có TK 111	Tiền mặt
Có TK 112	Tiền gửi ngân hàng

Kế toán phải mở sổ theo dõi số hàng đang đi đường cho tới khi hàng về. Sang tháng sau khi hàng đang đi đường về nhập kho hoặc chuyển giao cho các bộ phận sản xuất hay khách hàng... tùy từng trường hợp kế toán ghi.

Nợ TK 152	Nguyên liệu vật liệu
Nợ TK 157	Hàng gửi bán
Nợ TK 621	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Nợ TK 641	Chi phí bán hàng
Nợ TK 642	Chi phí quản lý doanh nghiệp
Nợ TK 632	Giá vốn hàng bán
Có TK 151	Hàng mua đang đi đường

- Phản ánh số thuế nhập khẩu, nếu có:

Nợ TK 152	Nguyên vật liệu
Có TK 333 (3333)	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (thuế XNK).

- Phản ánh số chi phí vật liệu

Nợ TK 152	Nguyên vật liệu
Có TK 111	Tiền mặt
Có TK 112	Tiền gửi ngân hàng
Có TK 331	Phải trả cho người bán

- Khi thanh toán cho người bán, người cung cấp NVL nếu được hưởng chiết khấu mua hàng thì số chiết khấu mua hàng được hưởng và số thanh toán người bán được ghi:

Nợ TK 331 Phải trả người bán

 Có TK 152 Nguyên vật liệu

 Có TK 111 Tiền mặt

 Có TK 112 Tiền gửi ngân hàng

 Có TK 141 Tạm ứng

- Số giảm giá hoặc giá trị vật liệu trả lại cho người bán cung cấp không đúng chất lượng, quy cách... theo hợp đồng được ghi như sau:

Nợ TK 331 Phải trả cho người bán

 Có TK 152 Nguyên vật liệu

b. Tăng do nhập kho vật liệu tự chế hoặc thuê ngoài gia công, chế biến, căn cứ vào giá thực tế nhập kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

 Có TK 154 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

 (Chi tiết tự gia công, chế biến hoặc thuê ngoài gia công chế biến).

c. Tăng do nhận vốn góp liên doanh của đơn vị khác, được cấp phát, quyền tặng kế toán ghi:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

 Có TK 411 Nguồn vốn kinh doanh

d. Tăng do thu hồi vốn kinh doanh:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

 Có TK 128 Đầu tư ngắn hạn khác

 Có TK 222 Góp vốn liên doanh

e. Trường hợp kiểm kê phát hiện thừa:

* Nếu xác định số vật liệu thừa là của doanh nghiệp nhưng còn chờ giải quyết, kế toán ghi:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

 Có TK 338 (3381) phải trả nộp khác (tài sản thừa chờ giải quyết).

Khi có quyết định xử lý, tùy vào việc quyết định ghi giảm chi phí hay tính vào thu nhập bất thường, kế toán ghi:

Nợ TK 338 (3381) Phải trả nộp khác (tài sản thừa chờ giải quyết).

Có TK 621	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Có TK 627	Chi phí sản xuất chung
Có TK 641	Chi phí bán hàng
Có TK 721	Thu nhập bất thường

* Nếu quyết định xử lý ngay thì không cần phải phản ánh qua tài khoản 338 (3381) mà ghi thẳng như sau:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

Có TK liên quan TK 621, TK 627, TK 641

* Nếu vật liệu thừa khi kiểm kê xác định không phải của doanh nghiệp thì giá trị vật liệu, công cụ dụng cụ thừa được phản ánh vào tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán TK 002 - Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ hoặc gia công.

f. Trường hợp vật liệu xuất dùng cho sản xuất sản phẩm không hết nhập lại kho, kế toán ghi:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

Có TK 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

g. Tăng giá vật liệu do đánh lại giá: Căn cứ vào số chênh lệch tăng ghi:

Nợ TK 152 Nguyên vật liệu

Có TK 421 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

3.2.1.2.2. Kế toán tổng hợp các trường hợp giảm vật liệu

Để phản ánh các nghiệp vụ xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ kế toán sử dụng nhiều tài khoản khác nhau như TK 152, TK 153, TK 241 TK 621, TK627, TK 641, TK 642, TK 141... Tùy vật liệu đều là hàng tồn kho, thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp, nhưng có sự khác nhau về đặc điểm tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do vậy phương pháp kế toán tổng hợp xuất dùng vật liệu, công cụ dụng cụ có sự khác nhau nhất định.

a. Xuất kho dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm, cho công tác xây dựng cơ bản, cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh khác. Căn cứ vào giá thiết kế xuất kho tính cho từng đối tượng sử dụng kế toán:

Nợ TK 621 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK 627 Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 641	Chi phí bán hàng
Nợ TK 642	Chi phí quản lý doanh nghiệp
Nợ TK 241	Xây dựng cơ bản dở dang
Có TK 152	Nguyên vật liệu

b. Xuất kho vật liệu tục tục chế hoặc thuê ngoài gia công chế biến, căn cứ giá thiết kế, xuất kho kế toán ghi:

Nợ TK	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Có TK 152	Nguyên vật liệu

c. Xuất kho vật liệu góp vốn liên doanh với đơn vị khác

- Trường hợp doanh nghiệp góp vốn liên doanh với đơn vị khác bằng vật liệu thì phải căn cứ vào giá trị vốn góp do hợp đồng liên doanh xác định để phản ánh vào TK 128 - đầu tư ngắn hạn khác (nếu là góp vốn liên doanh ngắn hạn) hoặc TK 222 - góp vốn liên doanh. Đồng thời phải xác định số chênh lệch giữa đơn vị vốn góp với thực tế xuất kho (giá trị ghi sổ kế toán của doanh nghiệp) để phản ánh vào TK 412 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản. Cụ thể cách hạch toán như sau:

+ Nếu giá trị vốn góp lớn hơn giá thực tế xuất kho, kế toán ghi:

Nợ TK 128	Đầu tư ngắn hạn (giá trị vốn góp)
Nợ TK 222	Góp vốn liên doanh
Có TK 412	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Theo số chênh lệch tăng)
Có TK 152	Nguyên vật liệu (theo giá thực tế)

+ Nếu giá trị vốn góp nhỏ hơn giá thực tế:

Nợ TK 128	Đầu tư ngắn hạn (giá trị vốn góp)
Nợ TK 222	Góp vốn liên doanh
Có TK 412	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (theo số chênh lệch giảm)
Có TK 152	Nguyên vật liệu (theo giá thực)

d. Xuất kho vật liệu để bán, cho vay căn cứ vào giá thực tế xuất kho ghi:

Nợ TK 632	Giá vốn hàng bán
Nợ TK 138 (1388)	Phải thu của khác
Có TK 152	Nguyên vật liệu

e. Vật liệu mất mát, thiếu hụt trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản. Trong trường hợp này phải xác định nguyên nhân và trách nhiệm vật tư đơn vị và người chịu trách nhiệm bảo quản, sử dụng rồi quy theo nguyên nhân cụ thể và quá trình xử lý kế toán ghi sổ từng trường hợp như sau:

- Nếu đã rõ nguyên nhân:

+ Do ghi chép nhầm lẫn, cân đo đong đếm sai cần phải chữa, điều chỉnh lại sổ kế toán theo đúng phương pháp quy định.

+ Nếu thiếu hụt trong định mức thì tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Nợ TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK152 Nguyên liệu vật liệu

+ Nếu thiếu hụt ngoài định mức, do người chịu trách nhiệm vật chất gây nên.

Nợ TK 111 Tiền mặt

Nợ TK 138(1388) Phải thu khác

Nợ TK 334 Phải trả công nhân viên

Nợ TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 152 Nguyên liệu vật liệu

- Nếu chưa rõ nguyên nhân thiếu hụt, mất mát kế toán ghi:

Nợ TK 138 (1388) Phải thu khác (tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 Nguyên liệu vật liệu

Khi có quyết định xử lý, tùy từng trường hợp kế toán ghi:

Nợ TK 138 (1388) Phải thu khác

Nợ TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

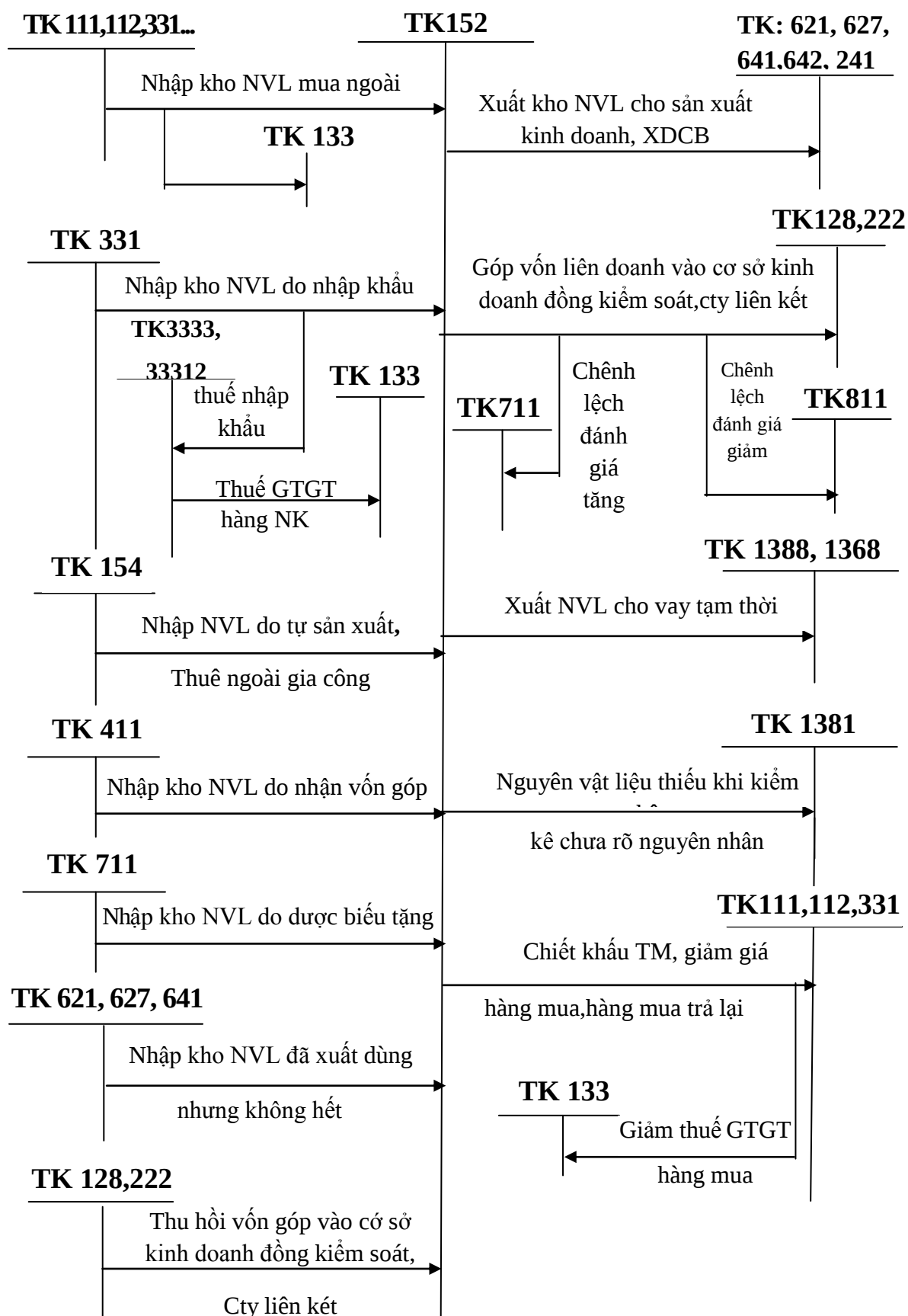
Có TK 138 (1388) Phải thu khác (tài sản thiếu chờ xử lý)

f. Giảm giá trị do đánh giá lại: Căn cứ vào số chênh lệch do đánh giá lại kế toán ghi:

Nợ TK 412 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 152 Nguyên liệu vật liệu

Sơ đồ 4: Có thể khái quát phương pháp kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê thường xuyên theo sơ đồ tài khoản kế toán sau (Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



3.2.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

3.2.2.1. Khái niệm:

-Phương pháp kê khai định kỳ mọi biến động tăng giảm của NVL được phản ánh trên TK 611.

Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ & = & & + & & + & \\ \text{vật tư xuất dùng trong kỳ} & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Đặc điểm:

-Không theo dõi một cách thường xuyên liên tục tình hình nhập-xuất-tồn của vật tư trên TK 152.

-Để phản ánh giá trị của vật tư nhập-xuất-tồn trong kỳ, kế toán sử dụng TK 611-mua hàng.

3.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Nội dung: Các TK 151, 152 chỉ dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng tồn cuối kỳ, hàng tồn đầu kỳ.

TK 611 phản ánh tình hình tăng giảm vật tư hàng hóa trong kỳ.

* Kết cấu:

+Bên nợ :

-Kết chuyển giá gốc NVL tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

-Giá gốc NVL mua vào trong kỳ, NVL đã bán bị trả lại.

+Bên có :

-Kết chuyển giá gốc NVL tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

-Giá gốc NVL xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc NVL xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ)

-Giá gốc NVL mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá TK này không có số dư, được mở chi tiết theo 2 TK cấp 2.

+TK 6111-Mua nguyên vật liệu

+TK 6112-Mua hàng hóa

-Để phản ánh tất cả các nghiệp vụ liên quan đến xuất-nhập vật tư, hàng hóa kế toán còn sử dụng các TK liên quan khác giống phương pháp kê khai thường xuyên TK 111, 112, 128, 222, 142, 242, 621, 641, 642, 331...

3.2.2.3. Trình tự kế toán

-Đầu kỳ kế toán kết chuyển trị giá NVL tồn đầu kỳ.

Nợ TK 6111-Mua hàng

Có TK 152

Có TK 151

-Trong kỳ các trường hợp nhập vật tư, hàng hóa kế toán ghi như sau:

+Khi mua ngoài căn cứ vào hóa đơn, kế toán ghi trị giá mua .

Nợ TK 6111-Mua hàng

Có TK 153-Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK liên quan(111, 112, 331...)

+Phản ánh các chi phí thu mua vật tư, hàng hóa.

Nợ TK 6111-Mua hàng

Nợ TK 133

Có TK liên quan (111, 112, 331...)

+Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán được hưởng

Nợ TK 111, 112 (Nhận bằng tiền)

Nợ TK 331 (Trừ vào nợ)

Có TK 515-doanh thu hoạt động tài chính

+Khoản chiết khấu TM, hàng mua bị trả lại.

Nợ TK 111, 112 (Nhận bằng tiền)

Nợ TK 331 (Trừ vào nợ)

Có TK 6111

+Trị giá vật tư hàng hóa nhập kho do nhân viên góp liên doanh của các đơn vị khác do được cấp phát.

Nợ TK 6111-Mua hàng

Có TK 411-Nguồn vốn kinh doanh

+Trị giá vật tư,hàng hóa nhập kho do tự chế thuê ngoài

Nợ TK 6111-Mua hàng

Có TK 631-giá thành sản xuất

-Cuối kỳ tiến hành xác định trị giá vốn thực tế của vật tư,hàng hóa xuất kho để kết chuyển và TK liên quan.

+Kết quả kiểm kê,kết chuyển trị giá đang đi đường và trị giá vốn thực tế vật tư,hàng hóa kế toán ghi:

Nợ TK 151-Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 152-Nguyên vật liệu

Có TK 6111-Mua hàng

+Kết quả tính toán trị giá vốn TT vật tư,hàng hóa xuất kho và mục đích sử dụng từng loại vật tư hàng hóa.

Nợ TK 621-Chi phí NVL TT

Nợ TK627-Chi phí sản xuất chung

Nợ TK632-giá vốn hàng hóa

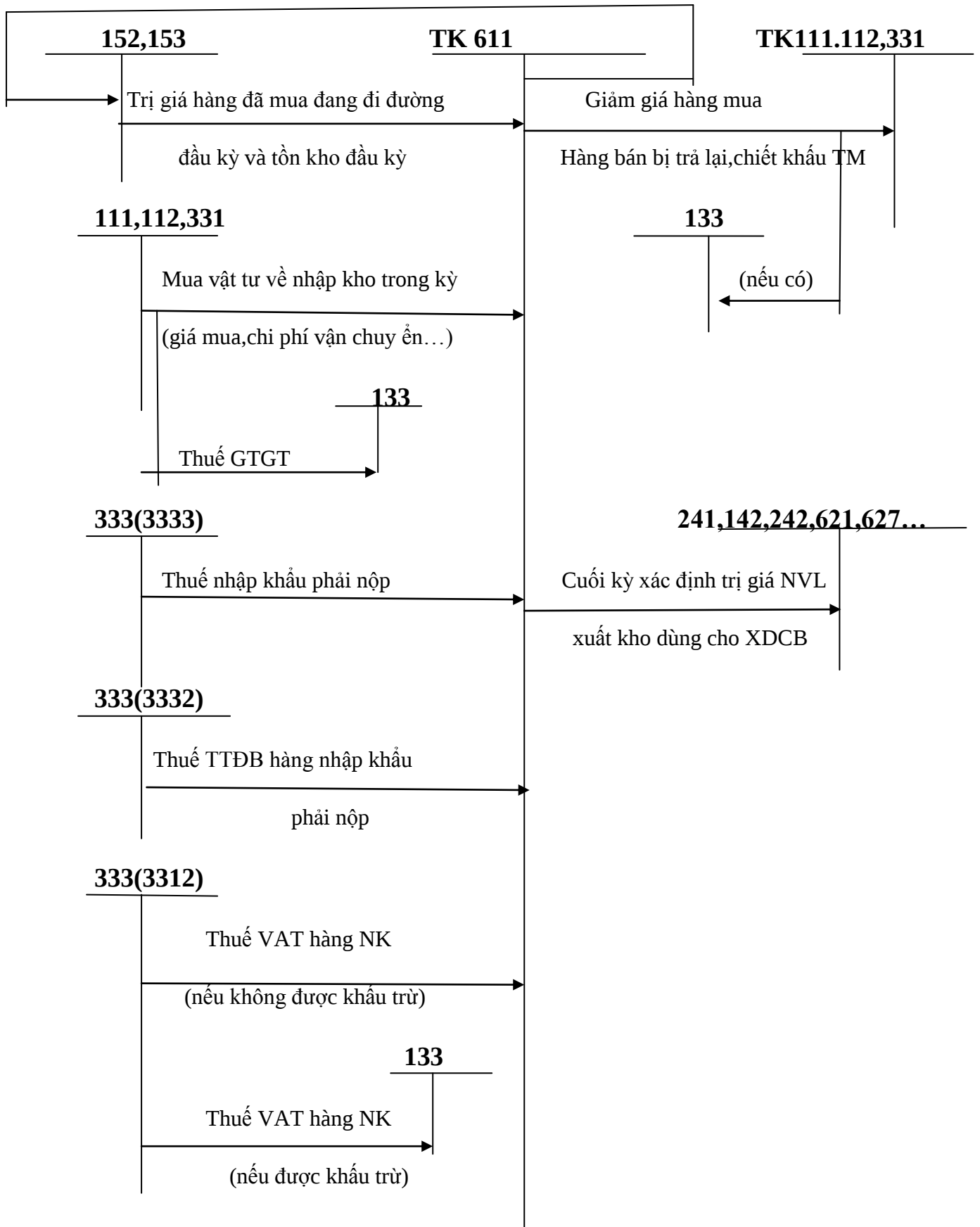
Nợ TK 641-Chi phí bán hàng

Nợ TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 6111 :Tổng cộng

Sơ đồ 5: Sơ đồ kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ



3.3.Sổ kế toán tổng hợp vật liệu

3.3.1. Hình thức kế toán

Các doanh nghiệp sử dụng sổ kế toán tổng hợp vật liệu tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung.
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ.
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy tính.

Dưới đây em xin trình bày về **hình thức kế toán chứng từ ghi sổ** (đây là hình thức kế toán được sử dụng tại đơn vị thực tập)

- **Đặc điểm:** Các hoạt động kinh tế tài chính được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại, tổng hợp số liệu, lập chứng từ ghi sổ, sau đó sử dụng chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ cái các tài khoản. Trong hình thức này việc ghi sổ theo thứ tự thời gian tách rời việc ghi sổ theo nội dung kinh tế trên hai loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau.

Căn cứ để trực tiếp ghi sổ kế toán tổng hợp là sổ chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái tài khoản.

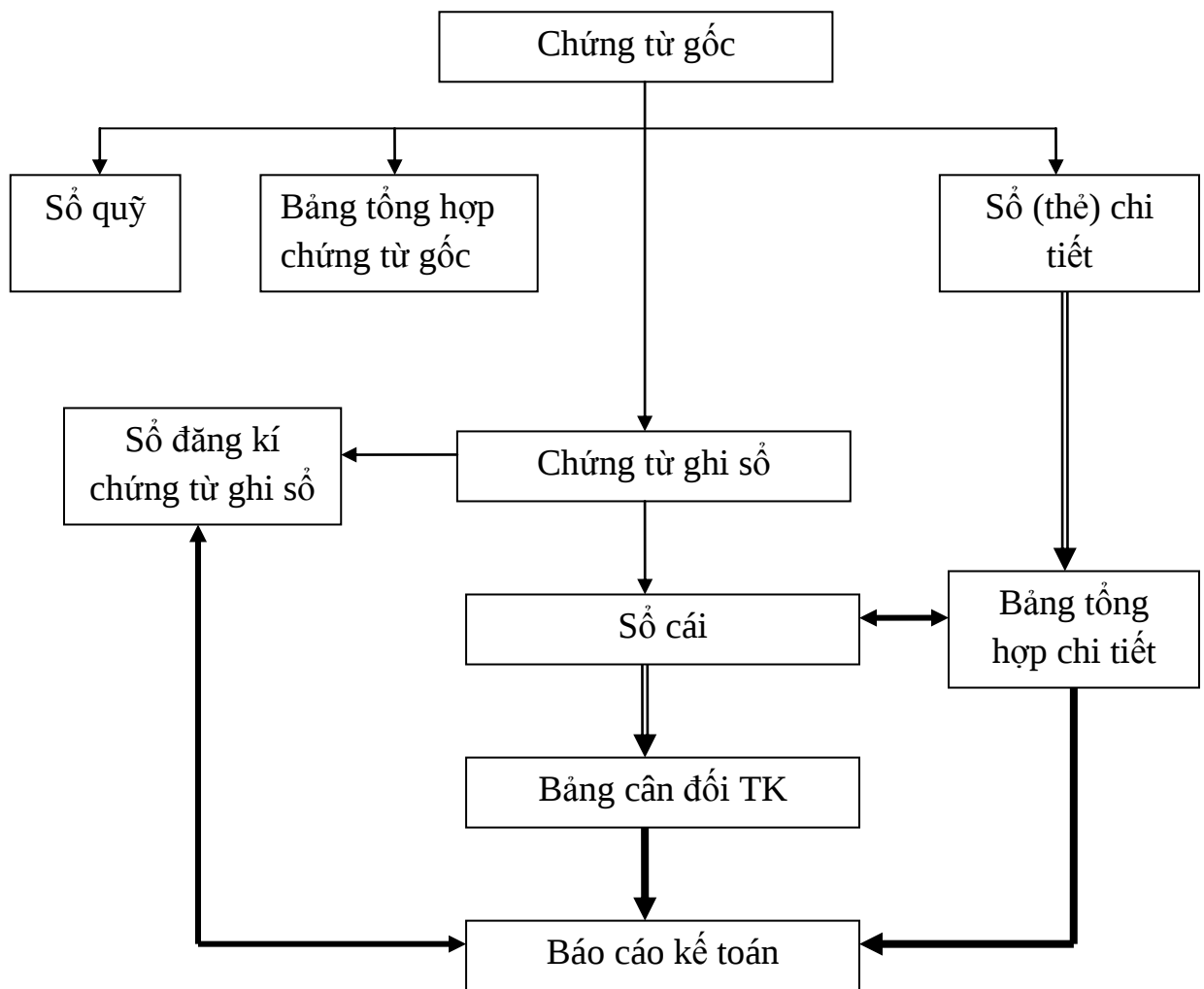
- **Sổ kế toán sử dụng:**

- + Sổ chứng từ ghi sổ- sổ nhật ký tài khoản.
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ- sổ nhật ký tổng quát.
- + Sổ cái tài khoản.
- + Sổ(thẻ) chi tiết.

- **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc kế toán.
- **Nhược điểm:** ghi chép trùng lặp, khối lượng công việc nhiều.
- **Điều kiện áp dụng:** Áp dụng với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh và đơn vị quản lý cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp.

Sơ đồ 6: Trình tự ghi sổ kế toán nguyên vật liệu theo hình thức

chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- : Ghi thường xuyên trong kỳ báo cáo
- : Ghi ngày cuối quý, năm
- ↔ : Đối chiếu số liệu cuối kỳ
- ⇒ : Ghi cuối tháng.

3.3.2. Hệ thống báo cáo kế toán nguyên vật liệu.

Hệ thống báo cáo kế toán bao gồm:

- + Báo cáo tài chính.
- + Báo cáo quản trị.

a. Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính là những báo cáo phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp bằng cách tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có cùng tính chất kinh tế thành các yếu tố của báo cáo tài chính

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo tài chính phải trình bày các chỉ tiêu liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm: Các quy định kế toán áp dụng trong việc đánh giá nguyên vật liệu bao gồm cả phương pháp tính giá trị nguyên vật liệu, tổng số giá gốc của nguyên vật liệu và giá gốc của từng loại nguyên vật liệu được phân loại phù hợp với đơn vị, tổng số giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu đã dùng thế chấp, cầm cố như sự đảm bảo cho các khoản nợ.

b. Báo cáo quản trị.

Báo cáo quản trị là những báo cáo chi tiết phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của quản lý trong doanh nghiệp.

Đối với nguyên vật liệu, báo cáo kế toán quản trị phản ánh chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo từng loại, từng thứ để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Báo cáo nguyên vật liệu thường được lập cho từng kho, từng đơn vị, từng bộ phận của doanh nghiệp và toàn doanh nghiệp.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5.

1.KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG SỐ 5

1.1. Sự hình thành và quá trình phát triển của công ty.

Tên Doanh nghiệp: Công ty xây dựng Số 5 Hải Phòng (nay là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Số 5 Hải Phòng).

Địa chỉ : Số 1190 Trần Nhân Tông _ Kiến An _ Hải Phòng

Số Điện thoại: 031.3876293

Số Fax: 031.3578259

Số tài khoản 32110000000364 _ tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Phòng.

Công ty xây dựng Số 5 Hải Phòng là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 155/QĐ/TCCQ ngày 20/01/1993 của UBND Thành phố Hải Phòng.

Lịch sử hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Số 5 Hải Phòng tiền thân là thành Xí nghiệp xây lắp 2 thuộc liên hiệp các Xí nghiệp xây lắp Hải Phòng. Ngày 20 tháng 01 năm 1993 được thành lập theo quyết định số 155/QĐ/TCCQ thành Công ty xây dựng số 5 Hải Phòng. Ngày 25 tháng 03 năm 2005 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước: Công ty xây dựng Số 5 Hải Phòng theo quyết định số 459/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 04 năm 2005 lấy tên là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Số 5 Hải Phòng.

1.2. . Chức năng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

**** Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty:***

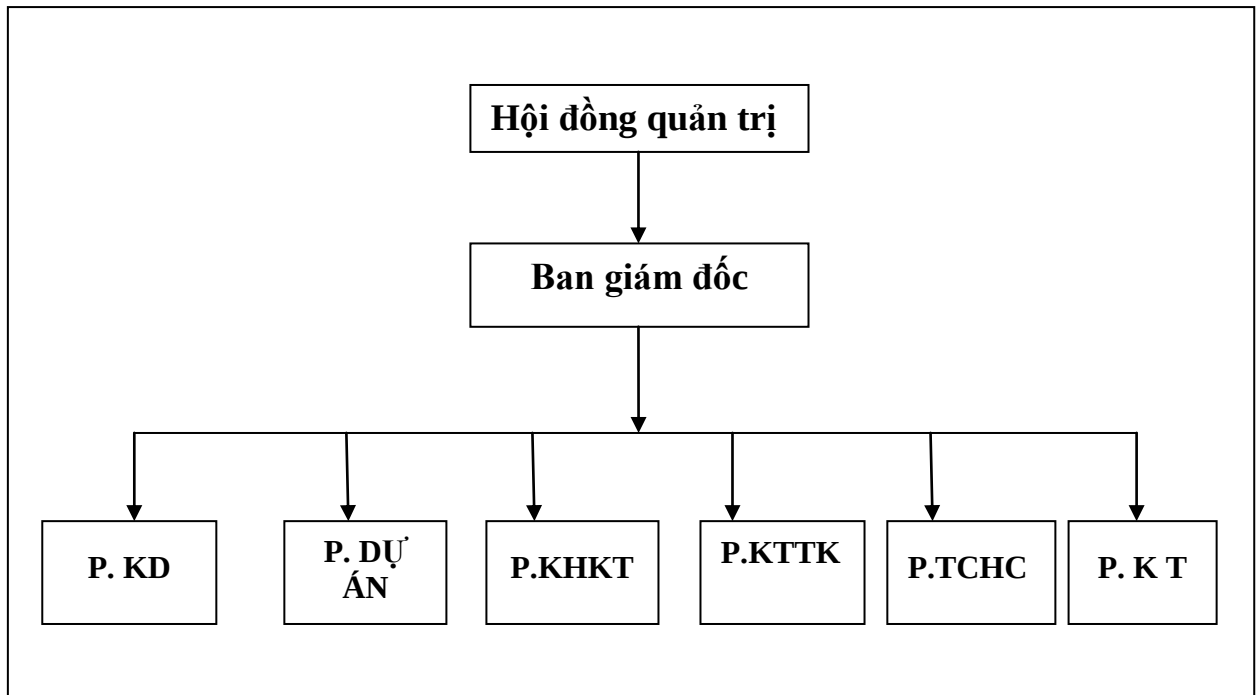
-Xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, công trình nhà ở, tranh trí nội thất.

- Xây dựng đường ống thoát nước, vỉa hè và đường giao thông quy mô vừa và nhỏ, công trình cấp nước dân dụng, công trình thủy lợi quy mô vừa và nhỏ.
- Lắp dựng cột, đường dây hạ thế và trạm biến áp = 35KV.
- Thực hiện BOT các dự án công trình văn hoá, thể thao, thủy lợi, thủy sản, giao thông, công trình công cộng, du lịch, lâm nghiệp.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh nhà.
- Dịch vụ kinh doanh cấp nước sạch.

1.3. Tổ chức bộ máy quản lý ở công ty.

Theo cơ cấu tổ chức từ trên xuống, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, xí nghiệp, các đội công trình.

Sơ đồ 7: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Doanh nghiệp



Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban.

-Đứng đầu là Giám đốc công ty: là người có quyền điều hành toàn bộ hoạt động của công ty.

Phó giám đốc dưới quyền Giám đốc trực tiếp điều hành theo chức năng nhiệm vụ.

- Phó giám đốc điều hành SXKD: Điều hành chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phó giám đốc Kỹ thuật: Phụ trách và chỉ đạo điều hành mọi hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình.

Hai phó giám đốc là 2 cánh tay đắc lực của Giám đốc giúp cho giám đốc quản lý, chỉ đạo công tác chung về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các kỹ mỹ thuật các công trình có hiệu quả tốt.

- Phòng tổ chức hành chính:

Tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Nghiên cứu tổ chức bộ máy quản lý công ty, bộ máy các đội, Xí nghiệp trực thuộc. Quản lý cán bộ công nhân viên chức và hồ sơ, có kế hoạch tuyển dụng đào tạo, đề bạt nâng bậc, nâng cao trình độ tay nghề, chuyển chuyên theo sự phát triển của công ty.

Quản lý tổng quỹ tiền lương, báo cáo thực hiện quỹ lương, báo cáo lao động và chỉ tiêu theo quy định của nhà nước.

Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách theo luật lao động tiền lương.

Tham mưu bổ nhiệm, đề bạt và bãi nhiệm cán bộ phụ trách phòng, đội và Xí nghiệp theo trình độ năng lực và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổ chức quản lý hành chính Công ty.

-Phòng Tài vụ kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung toàn bộ công việc kế toán được tập chung tại phòng kế toán của công ty, ở các đội, các đơn vị sản xuất trực thuộc công ty không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên thống kê kế toán làm nhiệm vụ thu thập, phân loại, kiểm tra chứng từ sau đó vào sổ chi tiết vật tư, lao động, máy móc và tập hợp chứng từ gốc vào bảng tập hợp chứng từ gửi lên công ty hàng tháng.

- Phòng dự án đầu tư:

Là bộ phận chuyên nghiên cứu tìm việc làm thông qua công tác nhận thầu , đấu thầu các công trình .

Giúp đỡ các chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế , kỹ thuật , lập dự án đầu tư nhằm tăng cường mối quan hệ với chủ đầu tư , tạo cơ hội nhận thầu , đấu thầu công trình thắng lợi .

Lập dự án đầu tư sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược của công ty nhằm đưa công ty phát triển mạnh mẽ một cách chủ động. Tìm kiếm đối tác liên doanh, sản xuất kinh doanh .

- Phòng kế hoạch - kỹ thuật :

Là phòng tham mưu tổng hợp toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty . Căn cứ vào định hướng phát triển sản xuất kinh doanh . Xây dựng chi tiết kế hoạch : tháng, quý, năm phân bổ xuống các đội, xí nghiệp tổ chức thực hiện .

Thường xuyên kiểm tra sản phẩm từng điểm dừng cho đến khi hoàn thiện. Quản lý hồ sơ tình trạng kỹ thuật khai thác có hiệu quả các công trình công ty thi công .

Xây dựng phương án tuyên truyền an toàn lao động .

- Phòng kinh doanh :

Nghiên cứu giải quyết giá vật tư, nhân công bất hợp lý, trình duyệt cấp trên, khai thác nguồn vật tư theo thị hiếu .

Khai thác hiệu quả các phương tiện máy móc, thiết bị . Có kế hoạch sửa chữa bảo quản các trang thiết bị máy móc đáp ứng quy mô xây dựng .

Tham gia liên kết tìm các bạn hàng cung cấp vật tư với giá thành hợp lý, đảm bảo sự quay vòng vốn .

- Phòng thiết kế :

Tập trung khai thác công tác thiết kế các công trình với quy mô vừa và lớn .

Kết hợp cùng phòng dự án thiết kế các mẫu phù hợp với kỹ - mỹ thuật .

Đề xuất thay đổi thiết kế thi công không phù hợp .

1.4. Tổ chức kế toán ở công ty

+ Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực

hiện, tổ chức lập báo cáo theo yêu cầu quản lý, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cấp trên về thông tin kế toán.

+ Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm tập hợp chi phí, tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh.

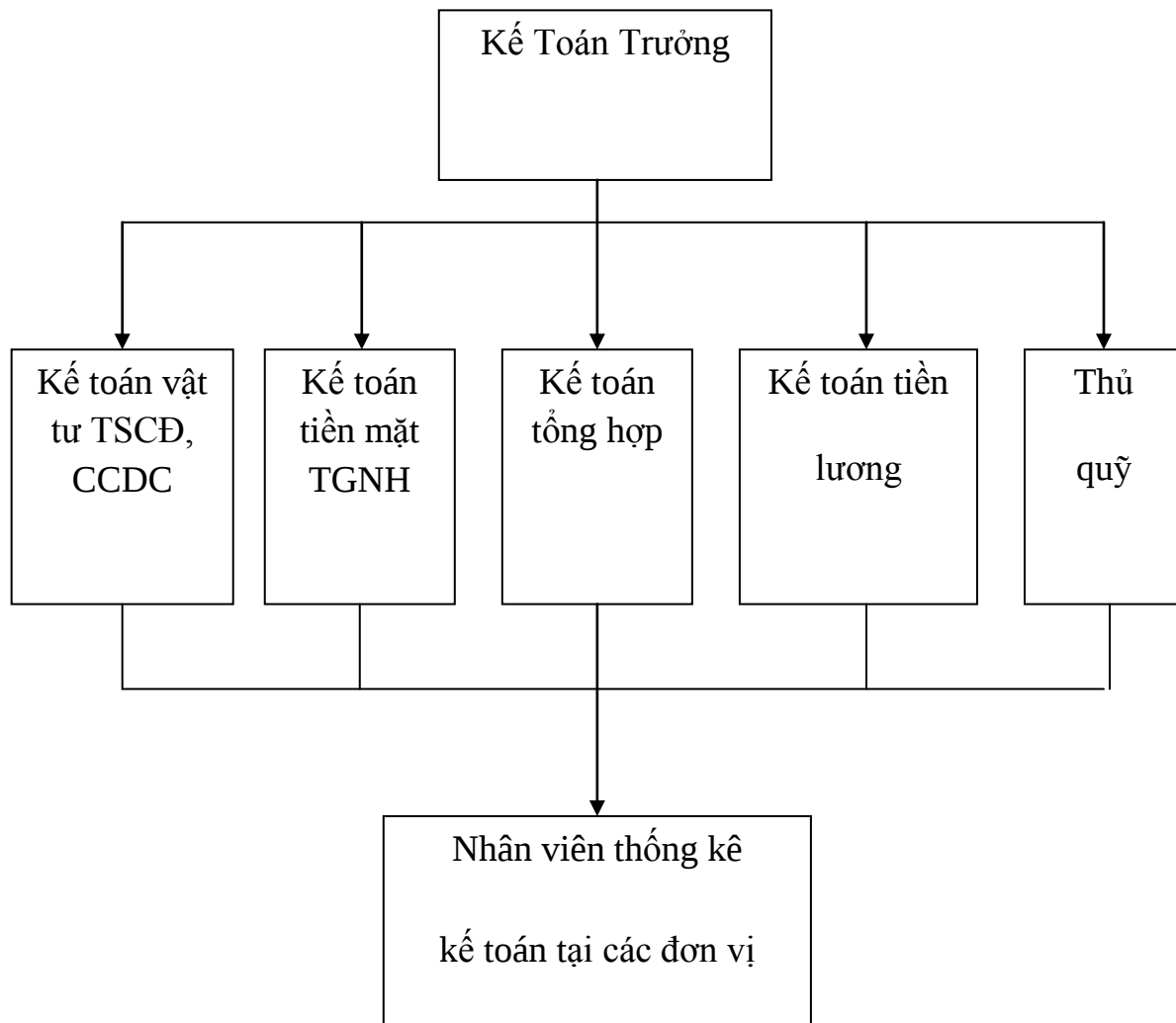
+ Kế toán vật tư TSCĐ: có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật tư, xác định chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình. Theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, phản ánh đầy đủ kịp thời và chính xác số lượng TSCĐ, tình hình khấu hao, tính đúng chi phí sửa chữa và giá trị trang thiết bị.

+ Kế toán tiền lương và các khoản vay: Căn cứ vào bảng duyệt quỹ lương của các đội và khối gián tiếp của công ty, kế toán tiến hành lập tập hợp bảng lương, thực hiện phân bổ, tính toán lương và các khoản phải trả cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản thu tiền mặt, TGNH và các khoản thanh toán cuối tháng, lập bảng kê thu chi và đối chiếu với kế toán tổng hợp.

+ Thủ quỹ: căn cứ vào chứng từ thu, chi đã được phê duyệt thủ quỹ tiến hành phát, thu, nộp tiền ngân hàng, cùng với kế toán tiền mặt quản lý tiền của công ty.

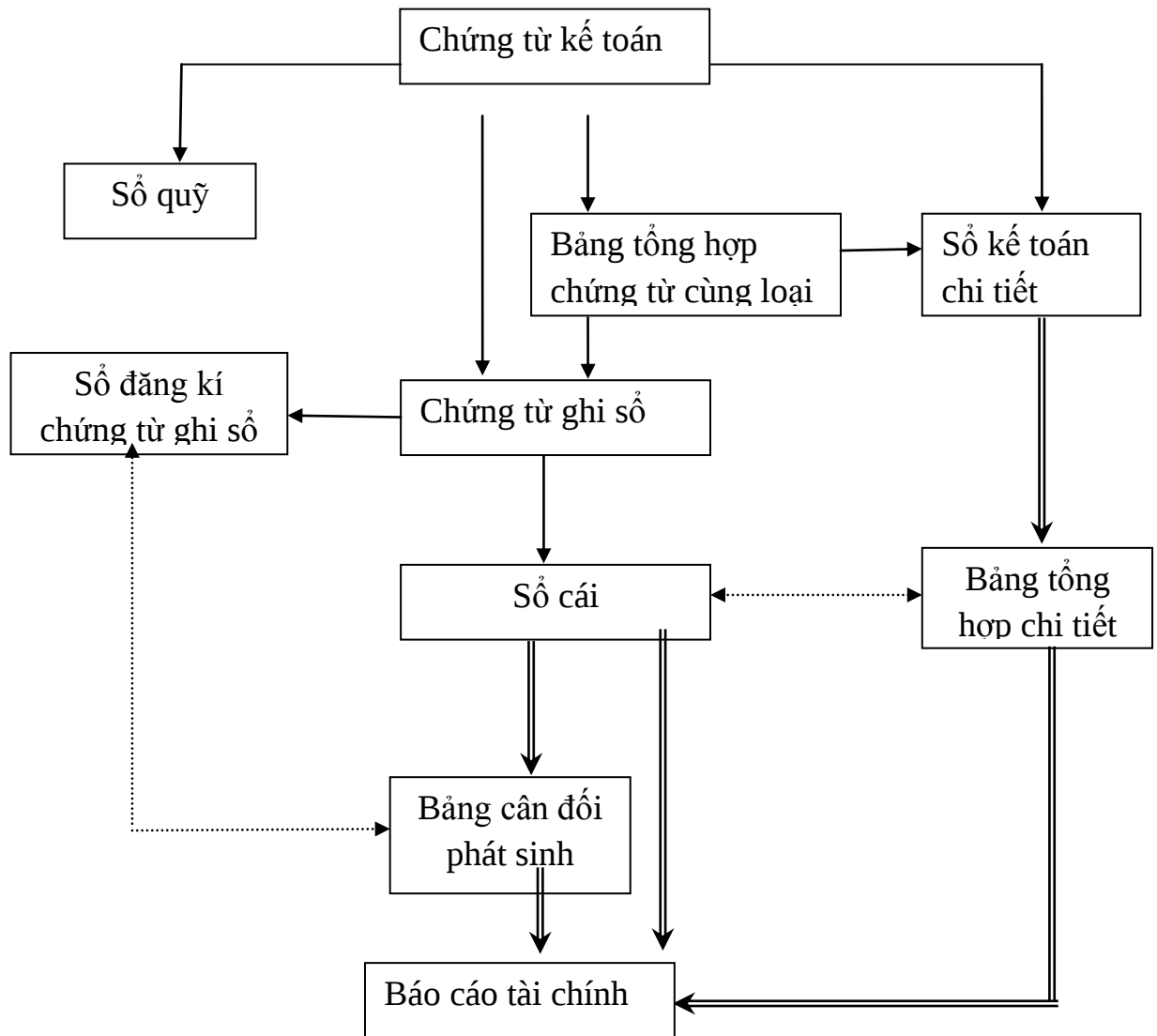
Sơ đồ 8: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty:



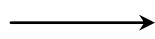
Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán kê khai thường xuyên, hạch toán kế toán theo phương pháp chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 9: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



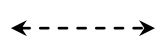
Ghi chú:



ghi hàng ngày



Ghi cuối ngày



Đối chiếu kiểm tra

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5 HẢI PHÒNG.

2.1. Đặc điểm, quản lý nguyên vật liệu tại công ty.

Để tiến hành thi công xây dựng nhiều công trình khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò, tính năng lý hoá riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học, hợp lý. Tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 cũng tiến hành phân loại nguyên vật liệu. Song việc phân loại vật liệu chỉ để thuận tiện và đơn giản cho việc theo dõi, bảo quản nguyên vật liệu ở kho. Nhưng trong công tác hạch toán do sử dụng mã vật tư nên công ty không sử dụng tài khoản cấp II để phản ánh từng loại vật liệu mà công ty đã xây dựng mỗi thứ vật tư một mã số riêng, như quy định một lần trên bảng mã vật tư ở máy vi tính bởi các chữ cái đầu của vật liệu. Vì vậy tất cả các loại vật liệu sử dụng đều hạch toán tài khoản 152 "nguyên liệu vật liệu".

Công ty bảo quản vật liệu, công cụ dụng cụ trong hai kho theo mỗi công trình là một kho nhằm giữ cho vật liệu không bị hao hụt thuận lợi cho việc tiến hành thi công xây dựng. Vì vậy, các kho bảo quản phải khô ráo, tránh ô xy hoá vật liệu - công cụ dụng cụ, các kho có thể chứa các chủng loại vật tư giống hoặc khác nhau. Riêng các loại cát, sỏi, đá vôi được đưa thẳng tới công trình. Công ty xác định mức dự trữ cho sản xuất, định mức hao hụt, hợp lý trong quá trình vận chuyển bảo quản dựa trên kế hoạch sản xuất do phòng kinh tế kế hoạch vật tư đưa ra. Để phục vụ cho yêu cầu của công tác hạch toán và quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty đã phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học nhưng công ty chưa lập sổ danh điểm và mỗi loại vật liệu công ty sử dụng bởi chữ cái đầu là tên của vật liệu. Yêu cầu đối với thủ kho ngoài những kiến thức ghi chép ban đầu, còn phải có những hiểu biết nhất định các loại nguyên vật liệu của ngành xây dựng cơ bản để kết hợp với kế toán vật liệu ghi chép chính xác việc nhập, xuất bảo quản nguyên vật liệu trong kho.

Do đặc điểm vật liệu ở công ty Cổ phần đầu tư xây dựng số 5 rất đa dạng và phong phú, công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập xuất vật liệu- công cụ dụng cụ. kế toán chi tiết nguyên vật liệu áp dụng phương pháp ghi thẻ song song và đánh giá nguyên vật liệu theo trị giá vốn thực tế.

2.2. Phân loại ,đánh giá vật liệu công cụ dụng cụ ở công ty :

a. Phân loại vật liệu ở công ty:

- + Nguyên vật liệu không phân loại thành nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ mà được coi chúng là vật liệu chính: "Là đối tượng lao động chủ yếu của công ty, là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm xây dựng cơ bản. Nó bao gồm hầu hết các loại vật liệu mà công ty sử dụng như: xi măng, sắt, thép, gạch, ngói, vôi ve, đá, gỗ... Trong mỗi loại được chia thành nhiều nhóm khác nhau, ví dụ: xi măng trắng, xi măng P400, xi măng P500, thép Φ 6A1, thép Φ10A1, thép Φ 20A2... thép tấm, gạch chỉ, gạch rỗng, gạch xi măng.
- + Nhiên liệu: Là loại vật liệu khi sử dụng có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho các loại máy móc, xe cộ như xăng, dầu.
- + Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị mà công ty sử dụng bao gồm phụ tùng thay thế các loại máy móc, máy cày, máy trộn bê tông và phụ tùng thay thế của xe ô tô như: các mũi khoan, săm lốp ô tô.
- + Phế liệu thu hồi: bao gồm các đoạn thừa của thép, tre, gỗ không dùng được nữa, vỏ bao xi măng... Nhưng hiện nay công ty không thực hiện được việc thu hồi phế liệu nên không có phế liệu thu hồi.

Công ty bảo quản vật liệu, công cụ dụng cụ trong hai kho theo mỗi công trình là một kho nhằm giữ cho vật liệu không bị hao hụt thuận lợi cho việc tiến hành thi công xây dựng. Vì vậy, các kho bảo quản phải khô ráo, tránh ô xy hoá vật liệu - công cụ dụng cụ, các kho có thể chứa các chủng loại vật tư giống hoặc khác nhau. Riêng các loại cát, sỏi, đá vôi được đưa thẳng tới công trình. Công ty xác định mức dự trữ cho sản xuất, định mức hao hụt, hợp lý trong quá trình vận chuyển bảo quản dựa trên kế hoạch sản xuất do phòng

kinh tế kế hoạch vật tư đưa ra. Để phục vụ cho yêu cầu của công tác hạch toán và quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty đã phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học nhưng công ty chưa lập sổ danh điểm và mỗi loại vật liệu công ty sử dụng bởi chữ cái đầu là tên của vật liệu. Yêu cầu đối với thủ kho ngoài những kiến thức ghi chép ban đầu, còn phải có những hiểu biết nhất định các loại nguyên vật liệu của ngành xây dựng cơ bản để kết hợp với kế toán vật liệu ghi chép chính xác việc nhập, xuất bảo quản nguyên vật liệu trong kho.

b. Đánh giá nguyên vật liệu tại công ty

Khi đánh giá nguyên vật liệu, công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc nhất quán

-Tính giá nhập kho:

Hiện nay công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo Phương pháp khấu trừ nên giá nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

+ *Đối với NVL mua về nhập kho*

Giá thực tế NVL = Giá mua ghi trên hóa đơn + Chi phí mua liên quan- Các khoản
nhập vào (chưa có thuế VAT) (nếu có) giảm trừ

+ *Đối với phế liệu thu hồi:* Giá thực tế nhập kho là giá ước có thể sử dụng được.

-Tính giá xuất kho:

VD: Theo HĐ ngày 5/3/2010 mua 10 tấn xi măng của công ty Hà Anh về nhập kho với đơn giá 960.000VNĐ/Tấn, thuế VAT 10%, Chi phí vận chuyển là 100.000 VNĐ. Vậy giá thực tế nhập kho được tính như sau:

Giá thực tế 10 tấn

xi măng $= 10 * 90.000 + 100.000 = 9.700.000$
nhập kho là

-Tính giá xuất kho:

+Đặc điểm ngành xây dựng sử dụng vật liệu nhập kho mua về mà không thể quản lí theo từng lần nhập về số lượng như cát ,đá.....Công ty áp dụng phương pháp tính giá bình quân cả kì dự trữ cho NVL xuất kho.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Bình quân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế VL} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế VL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} = \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân gia quyền} \end{array}$$

+Đối với nguyên vật liệu như xi măng,sắt ,thép,....công ty áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước tính giá xuất kho cho nguyên vật liệu. Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

VD:Tồn đầu tháng của đá 2*4 là 163,5m³ đơn giá 147.998,789đ/m³.

Trong tháng nhập 885m³ đơn giá 150.000đ/m³

$$\text{Đơn giá} = \frac{163,5 * 147.998,789 + 885 * 150.000}{163,5 + 885} = 149.532\text{đ/m}^3$$

$$\text{Bình quân} = \frac{163,5 + 885}{163,5 + 885}$$

Theo phiếu xuất kho số 01,cần 100m³ để thi công công trình

$$\text{Giá thực tế } 100\text{m}^3 = 100 \times 149.532 = 149.532.200 \text{ đ}$$

2.3.Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty CPĐT XD Số 5:

2.3.1.Thủ tục nhập _ xuất nguyên vật liệu:

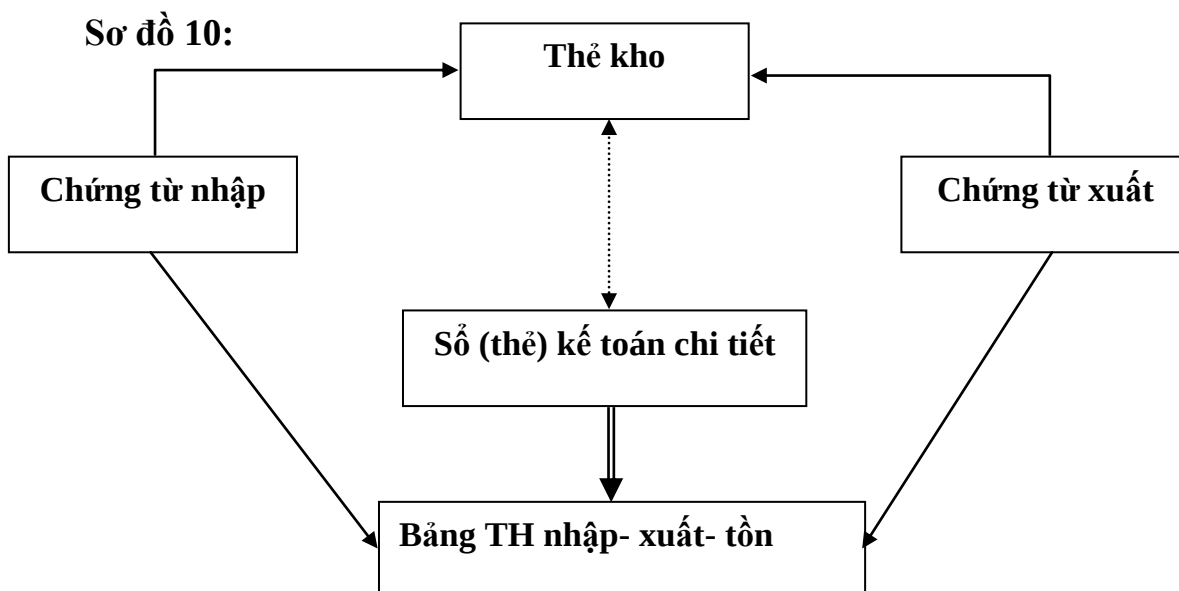
Một trong những yêu cầu của công tác quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ đòi hỏi phải phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất tồn kho cho từng nhóm, từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ cả về số lượng, chất lượng chủng loại và giá trị. Bằng việc tổ chức kế toán chi tiết vật liệu Công ty CPĐT xây dựng số 5 sẽ đáp ứng được nhu cầu này. Hạch toán chi tiết vật liệu công ty CPĐT xây dựng số 5 sẽ đáp ứng được nhu cầu này. Hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ là việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi

chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng thứ, từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị. Kế toán chi tiết ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song và có một số điều chỉnh cho phù hợp với chương trình quản lý vật tư.

Để tổ chức thực hiện được toàn bộ công tác kế toán vật liệu công cụ dụng cụ nói chung và kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng, thì trước hết phải bằng phương pháp chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ có liên quan đến nhập xuất vật liệu, công cụ dụng cụ. Tại công ty CPĐT xây dựng số 5 chứng từ kế toán được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ.

Trình tự luân chuyển chứng từ theo sơ đồ sau:



Giải thích:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu kiểm tra

***Trình tự nhập kho:**

+Trường hợp nhập kho vật liệu do mua ngoài:

- Theo chế độ kế toán quy định tất cả các loại vật liệu về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.
- Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hợp đồng mua bán, hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho....được luân chuyển và xử lý một cách khoa học
- Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết , quy cách chủng loại,...để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.
- Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chứng từ quan trọng là hoá đơn GTGT. Hoá đơn GTGT cùng với hợp đồng sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được các chứng từ này, kế toán kiểm tra đối chiếu giữa chúng , sau đó dùng làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho, chứng từ ghi sổ...
- Nhận được thông báo hàng đã về tới công ty, nếu cần kiểm tra hàng trước khi nhập kho thì cán bộ phụ trách kỹ thuật sản xuất , thủ kho và người của phòng kinh doanh sẽ được bố trí để kiểm tra và kết quả kiểm tra sẽ được ghi vào phiếu yêu cầu nhập vật tư sau đó phòng Kinh Doanh tiến hành lập phiếu nhập kho giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng ký vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho gồm 2 liên.
 - Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phòng kinh doanh(nơi lập phiếu).
 - Liên 2: Thủ kho dùng để ghi số thực nhập vào thẻ kho sau đó sẽ giao lại cho phòng kế toán.
- Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và căn cứ vào hoá đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác để hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu

“Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu nhập kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hoá đơn GTGTkế toán ghi nhập số liệu vào máy tính.

+ Trường hợp nhập kho do tự sản xuất:

- Do yêu cầu chuyển kho của giám đốc, kế toán vật tư tiến hành lập phiếu nhập hàng thành 2 liên . Sau đó đưa 1 phiếu cho người xuất hàng, làm thủ tục xuất kho và ký nhận rồi sau đó vào thẻ kho. 1 phiếu giao cho người nhận hàng, làm thủ nhập kho và ký nhận ở phần thực nhập và vào thẻ kho. Cuối ngày thủ kho nhập giao lại cho kế toán phiếu nhập để kiểm tra sự tăng, giảm vật liệu.

***Trình tự xuất kho:**

Vật liệu chủ yếu được xuất kho cho đội xây dựng thuộc công ty để thi công công trình.

+ Xuất kho sử dụng cho sản xuất kinh doanh:

Trước tiên Phòng kinh tế kế hoạch căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của từng công trình, dự toán công trình và các yêu cầu tiến độ thi công đưa theo các chỉ tiêu kinh tế rồi đưa vào thi công cho các đội công trình. Các đội công trình căn cứ vào nhiệm vụ để thi công kịp thời. Trong quá trình thi công, những vật tư nào cần sử dụng thì lập kế hoạch sau đó gửi lên Phòng vật tư xem xét, xác nhận chuyển sang Phòng kế toán xin cấp vật tư. Đối với công trình có lượng vật tư tiêu hao lớn thì căn cứ khối lượng hiện vật thực hiện trong tháng, cán bộ kỹ thuật sẽ bóc tách lượng vật tư tiêu hao theo định mức để ghi phiếu xuất vật tư cho từng đối tượng sử dụng.

Căn cứ vào kế hoạch về sử dụng số lượng vật tư theo yêu cầu được tính toán theo mức sử dụng, kế toán kho nhập dữ liệu vào sổ có liên quan. Phiếu xuất kho được viết thành 2 liên

Liên 1: Thủ kho gửi lại cho phân xưởng(nơi lập phiếu)

Liên 2: Thủ kho dùng để ghi vào thẻ kho và sau đó sẽ chuyển cho phòng kế toán

Phiếu xuất kho sau khi đưa về phòng kế toán, kế toán kiểm tra lại và hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá”, “Thành tiền”.Để tính được đơn giá xuất kho cho từng

phiếu xuất , kế toán sử dụng phương pháp xuất kho cho từng vật liệu theo quy định của công ty, nhưng trước tiên căn cứ vào số lượng thực xuất trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, sau đó căn cứ vào đơn giá xuất tính được trên sổ chi tiết để ghi vào phiếu xuất kho.

2.3.2. Phương pháp kế toán chi tiết vật liệu:

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần ĐTXD Số 5 được tiến hành đồng thời tại phòng kế toán và kho. Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng là phương pháp ghi thẻ song song.

- **Ở kho:**

Thủ kho sử dụng thẻ kho để theo dõi tình hình biến động của từng thứ nguyên vật liệu về mặt hiện vật, nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép cho một thứ nguyên vật liệu. Hàng ngày khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập kho (xuất kho) thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào phiếu nhập kho(Phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho (liên 2) thủ kho ghi số lượng thực nhập(Thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau kho được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- **Ở phòng kế toán:**

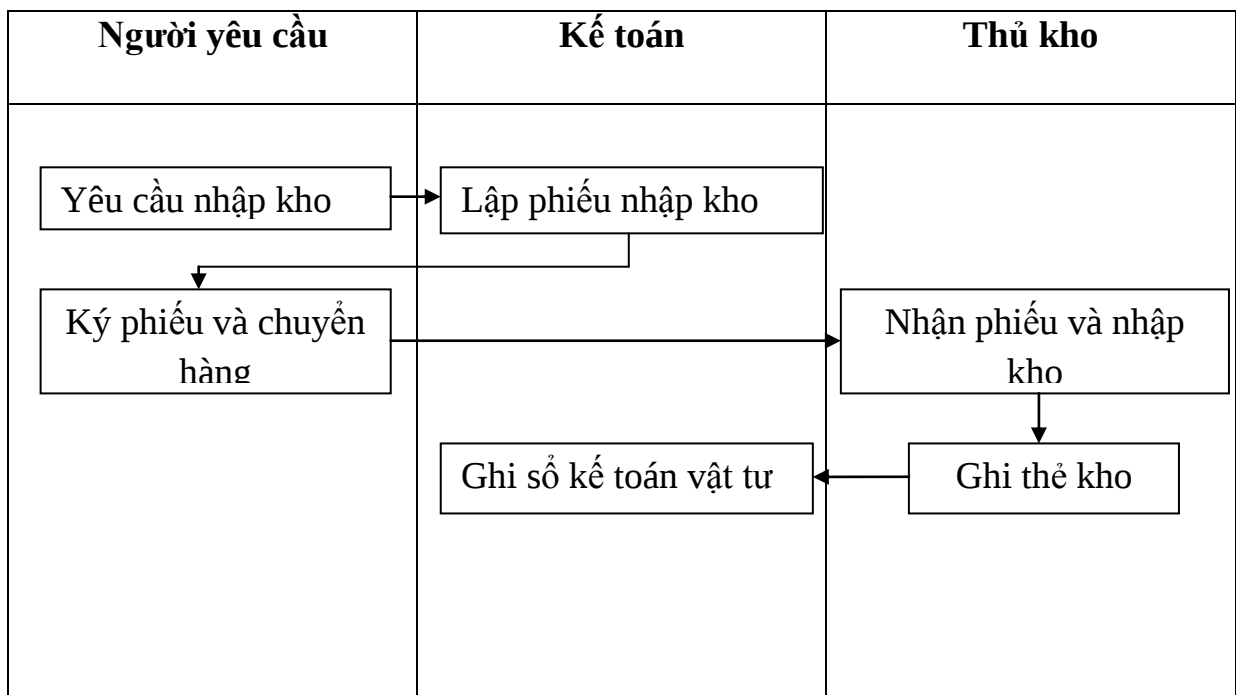
Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT(của người bán), các chứng từ khác liên qua để tính ra “Đơn giá” và “Thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “Đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của

mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “Đơn giá” và “Thành tiền” trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu. Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng thứ nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

Quy trình hạch toán nguyên vật liệu nhập kho



Ví dụ: Ngày 19/3 mua 1000 bao xi măng của công ty xi măng Tuyết Sơn, đơn giá 44000đ/bao. Đã trả bằng tiền mặt.

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Ví dụ: Ngày 19/3 mua 1000 bao xi măng của công ty xi măng Tuyết Sơn, đơn giá 44000đ/bao. Đã trả bằng tiền mặt.

Biểu số 1:

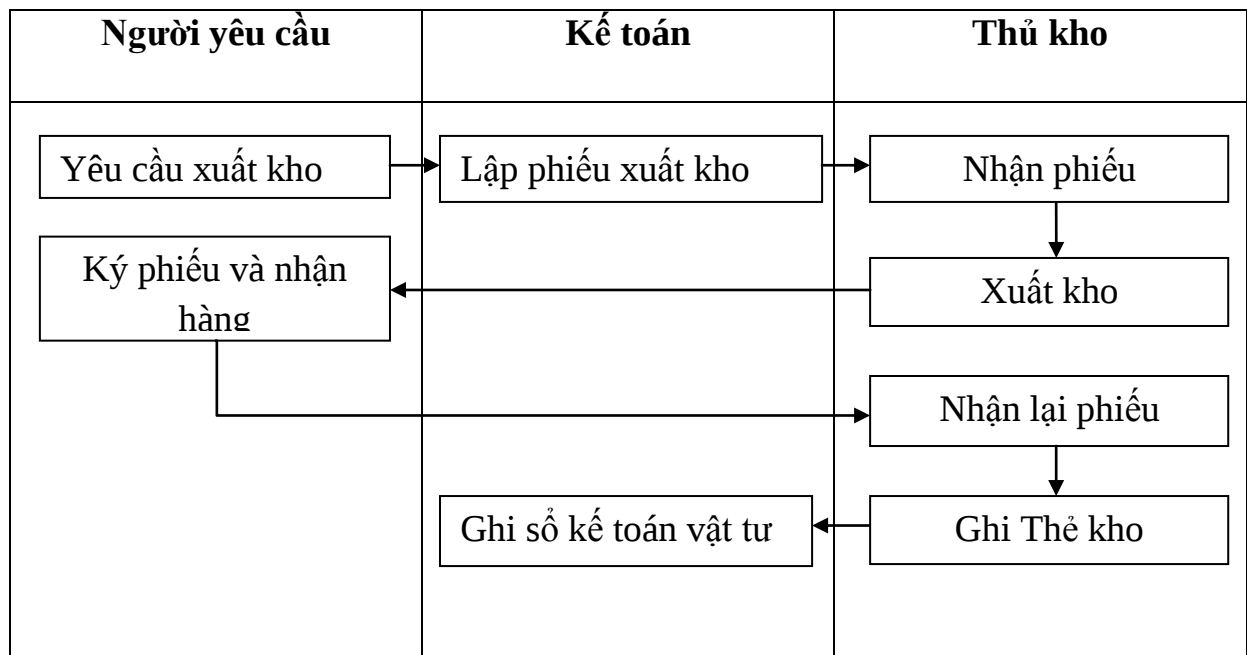
HÓA ĐƠN		Mẫu số 01GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		GK/2009B			
Ngày 19 tháng 3 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty vận tải Tuyết Sơn.....					
Địa chỉ: An Dương-Hải Phòng.....					
Số TK:.....					
Điện thoại: .. 031.811.594.....MS: 0 2 0 0 5 7 4 9 5 7.....					
Họ và tên người mua: Trần Văn Huy.....					
Tên ĐV: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5.					
Địa chỉ: Tân Nhân Tông-Kiến An –Hải Phòng.					
Số TK:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt.					
STT	Tên HH,DV	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng	Bao	1000	44.000	44.000.000
				Cộng tiền hàng	44.000.000
	thuế suất 10%			Tiền thuế	4.400.000
				Tổng tiền thanh toán	48.400.000
Viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua		Người nhận		Thủ trưởng đơn vị	
(kí, họ tên)		(kí, họ tên)		(kí, họ tên, đón	

Biểu số 2:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5				Mẫu số 01-VT			
Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng. (theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)							
PHIẾU NHẬP KHO							
Ngày 19 tháng 3 năm 2010				Nợ:TK 152			
Số: 045				Có:TK 111			
Họ và tên người giao: Trần Xuân Tiên.							
Theo HĐ số 145 ngày 19 tháng 02 năm 2010 của công ty xi măng Tuyết Sơn.							
Nhập tại kho: Số 01, địa điểm: Kiến An- Hải Phòng.							
S T T	Tên nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Xi măng Chinfon	XM	bao	1.000	1.000	44.000	44.000.000
	cộng						44.000.000
Tổng số tiền(viết bằng chữ): Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn.							
Số chứng từ gốc kèm theo:1							
Người lập phiếu		Người giao hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	
(kí họ tên)		(kí ,họ tên)		(kí,họ tên)		(kí,họ tên)	

QUY TRÌNH HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU XUẤT KHO

Trước tiên Phòng kinh tế kế hoạch căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất của từng công trình, dự toán công trình và các yêu cầu tiến độ thi công đưa theo các chỉ tiêu kinh tế rồi đưa vào thi công cho các đội công trình. Các đội công trình căn cứ vào nhiệm vụ để thi công kịp thời. Trong quá trình thi công, những vật tư nào cần sử dụng thì lập kế hoạch sau đó gửi lên Phòng vật tư xem xét, xác nhận chuyển sang Phòng kế toán xin cấp vật tư



Ví dụ: Ngày 21/3 xuất 700 bao xi măng Chinfon giao cho đội thi công số 3, đơn giá xi măng xuất dùng là 44.500đ/bao.

Công ty cổ phần ĐTXD Số 5

Trần Nhân Tông-Kiến An_HP

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

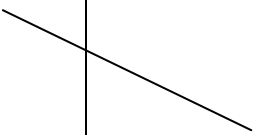
Ngày 21 tháng 03 năm 2010

Tên tôi là: Nguyễn Thị Hương.

Thuộc bộ phận: đội thi công số 3

Lý do: Xuất xi măng cho xây dựng công trình

Đề nghị cấp một số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	
			Đề nghị	Thực hiện
1	Xi măng	bao	700	
				

Thủ trưởng đơn vị

Phòng kỹ thuật

Phụ trách bộ phận

Người yêu cầu

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 3:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5	Mẫu số 02-VT																										
Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng.	(theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)																										
PHIẾU XUẤT KHO																											
Ngày 21 tháng 3 năm 2010																											
Nợ:TK 621																											
Số: 023																											
Có:TK 152																											
Họ và tên người nhận: Phạm Thành Vinh.Bộ Phận:Sản xuất																											
Lý do xuất kho:giao cho đội thi công số 3.																											
Xuất tại kho: Số 01,địa điểm:Kiến An- Hải Phòng.																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">S T T</th> <th rowspan="2">Tên nhãn hiệu quy cách,phẩm chất vật tư,dụng cụ sản phẩm hàng hóa</th> <th rowspan="2">Mã số</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="2">Số lượng</th> <th rowspan="2">Đơn giá</th> <th rowspan="2">Thành tiền</th> </tr> <tr> <th>yêu cầu</th> <th>Thực xuất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Xi măng Chinfon</td> <td>XM</td> <td>bao</td> <td>700</td> <td>700</td> <td>44500</td> <td>31150000</td> </tr> <tr> <td></td> <td>cộng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td>31150000</td> </tr> </tbody> </table>		S T T	Tên nhãn hiệu quy cách,phẩm chất vật tư,dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	yêu cầu	Thực xuất	1	Xi măng Chinfon	XM	bao	700	700	44500	31150000		cộng						31150000
S T T	Tên nhãn hiệu quy cách,phẩm chất vật tư,dụng cụ sản phẩm hàng hóa					Mã số	Đơn vị tính			Số lượng		Đơn giá	Thành tiền														
		yêu cầu	Thực xuất																								
1	Xi măng Chinfon	XM	bao	700	700	44500	31150000																				
	cộng						31150000																				
Tổng số tiền(viết bằng chữ): ba mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng .																											
Số chứng từ gốc kèm theo:1																											
Người lập	Người nhận																										
Thủ kho	Kế toán trưởng																										
Giám đốc																											
phiếu	hàng																										
(kí,họ tên)	(kí,họ tên)																										
(kí,họ tên)	(kí,họ tên)																										
(kí,họ tên)	(kí,họ tên)																										

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu số 4:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5

Mẫu số S12-DN

Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng.

(theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:3/3/2010

Tờ số:1

Tên nhãn hiệu,quy cách,vật tư:Xi măng

Đơn vị tính:bao

Mã số:XM

S T T	Ngày Tháng	SHCT		Diễn giải	ngày nhập xuất	Số lượng			Kí xác nhận của KT
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
1	31/3	19/03		-Mua xi măng của công ty Tuyệt Sơn,đã thanh toán	19/3	1000		1000	
2	31/3		22/03	-Xuất cho đội thi công	21/3		700		
				cộng cuối kì		1000	700		

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí họ tên)

(kí ,họ tên)

(Kí,họ tên,đóng dấu)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu số 5:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5 Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng.					Mẫu số S10-DN (theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)					
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (Quý 1 Năm: 2010)										
Tài khoản: 152. Tên kho: số 01 Tên quy cách, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng										
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	nhập		xuất		tồn	
sh	nt				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		SDĐK							6000	264000000
		PS trong kì:								
.....										
19/03	19.3	-Mua xi măng đã thanh toán	111	44000	1000	44000000			7000	308000000
22/03	21.3	-Xuất xi măng để thi công	621	44500			700	31150000	6300	276850000
.....										
		Cộng tháng			8000	352000000	6900	304050000	1100	48950000

Ngày.....tháng.....năm.....

Thủ kho
 (kí họ tên)

Kế toán trưởng
 (kí ,họ tên)

Giám đốc
 (Kí,họ tên,đóng dấu)

2.4. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty CPĐTXD Số 5:

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu.

Vậy kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản để phản ánh, kiểm tra, giám sát các đối tượng kế toán ở dạng tổng hợp có cùng nội dung kinh tế. Do đặc điểm nguyên vật liệu ở công ty đa dạng và phong phú, công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập, xuất nguyên vật liệu.

2.4.1. Tài khoản sử dụng:

Tại công ty, kế toán nguyên vật liệu sử dụng một số TK sau:

TK 152: Nguyên liệu, vật liệu.

- Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

TK 111: Tiền mặt.

TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

TK 331: Phải trả cho người bán

.....

- Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:

TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

TK 627: Chi phí sản xuất chung.

TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

.....

2.4.2. Chứng từ sử dụng:

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức kế toán thích hợp cho mọi loại hình doanh nghiệp có ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này, bao gồm:

- Sổ cái TK 152- Nguyên liệu, vật liệu
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư, sổ chi tiết TK 621, các bảng tổng hợp chứng từ gốc...

2.4.3. Quy trình hạch toán:

Thước đo tiền tệ là thước đo chủ yếu kế toán sử dụng và nói tới hạch toán là nói tới số liệu có, tình hình biến động toàn bộ tài sản của công ty theo chỉ tiêu giá trị. Kế toán chi tiết vật liệu - công cụ dụng cụ chưa đảm bảo đáp ứng được yêu cầu này mà chỉ bằng kế toán tổng hợp có thể ghi chép, phản ánh các đối tượng kế toán theo chỉ tiêu giá trị trên các tài khoản sổ kế toán tổng hợp mới đáp ứng được yêu cầu đó.

Vậy kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra và giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở các dạng tổng quát. Do đặc điểm vật liệu ở công ty CPĐT xây dựng số 5 rất đa dạng và phong phú, công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập xuất vật liệu- công cụ dụng cụ.

Công ty sử dụng tài khoản 152 và tài khoản 153 để phản ánh quá trình nhập xuất vật liệu- công cụ dụng cụ và tài khoản 331, tài khoản 141, tài khoản 111, tài khoản 112, tài khoản 311, tài khoản 621, tài khoản 642, tài khoản 627.

2.4.3.1. Kế toán tổng hợp nhập kho vật liệu.

Trong nền kinh tế hiện nay việc mua bán được diễn ra thường xuyên trên cơ sở thuận mua vừa bán. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp chuyên về xây dựng thì việc mua bán nguyên vật liệu là một tất yếu. Đối với công trình lớn, tiến độ thi công dài đòi hỏi phải có nhiều đơn vị mua bán và có trách nhiệm thanh toán với người bán sau một thời gian. Đối với những vật tư mua lẻ có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Còn đối với những vật tư có giá trị lớn, công ty thường sử dụng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hay tiền vay ngắn hạn. Bên cạnh đó công ty cũng dùng hình thức thanh toán trả chậm đối với những nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên với công ty.

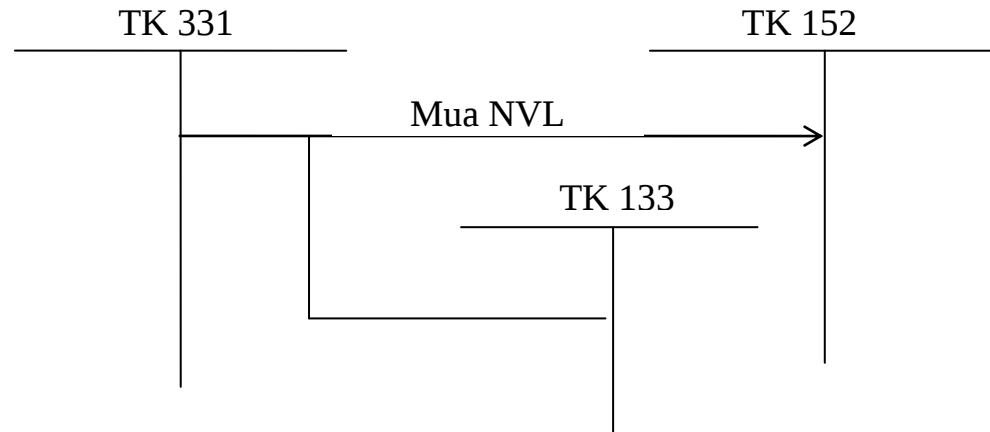
Nguyên vật liệu trong công ty hoàn toàn do mua ngoài, nên việc hạch toán được tiến hành như sau :

****Nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài chưa thanh toán.***

Hình thức mua nguyên vật liệu chưa thanh toán của công ty thường được áp dụng khi mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp có quan hệ thường xuyên

với công ty. Việc theo dõi các khoản thanh toán với người bán được kế toán thực hiện trên cả phần mềm kế toán và trên sổ sách.

Mô hình nghiệp vụ:



- **Ví dụ :** Ngày 5/3/2010 mua 350m2 cốppha tôn của công ty TNHH&VT Hải Anh chưa thanh toán. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000178 có:
 - + Giá mua chưa có thuế: 77.000.000đ
 - + Thuế GTGT(thuế suất 5%): 3.850.000đ
 - + Tổng giá thanh toán.97: 80.850.000đ
- Theo thỏa thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.
- Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán
- Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:
 - + Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu
 - + Cuối kỳ, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho lập chứng từ ghi sổ:

Biểu số 6:

Đơn vị: Công ty cổ phần ĐTXD Số 5

Mẫu số S02a-DNN

Địa chỉ:Trần nhân tông Kiến An HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 09/03

Ngày 5 tháng 3 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Nhập mua cấp pha tôn	152	331	77.000.000	
- Thuế GTGT	1331	331	3.850.000	
Cộng			80.850.000	

(Kèm theo 2 chứng từ gốc)

Ngày 5 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

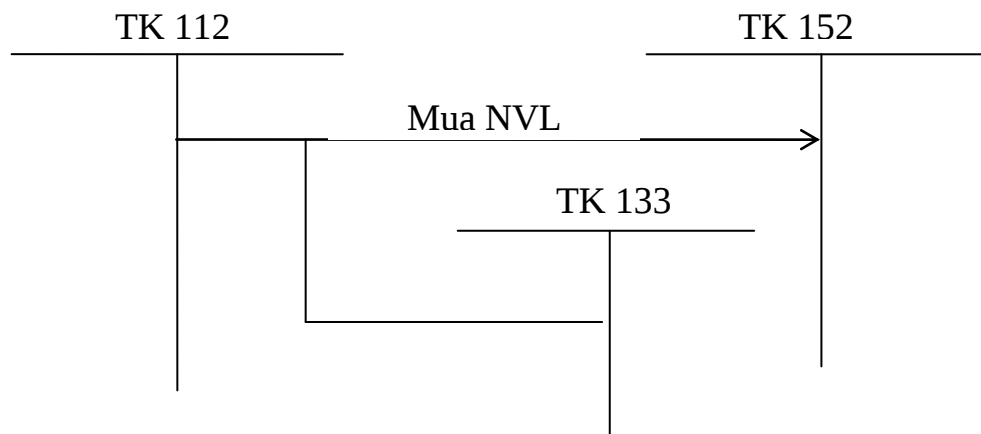
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

****Nghịệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài được thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng.***

Thông thường việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng áp dụng với những lô hàng có giá trị lớn.

Mô hình nghiệp vụ:



- **Ví dụ:** Ngày 13/3/2010 mua 20 tấn xi măng Chinfon của công ty VT Tuyết Sơn Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000195 có:
 - + Giá mua chưa có thuế: 20.400.000đ
 - + Thuế GTGT(thuế suất 5%): 2.040.000đ
 - + Tổng giá thanh toán: 22.440.000đ
- Theo thỏa thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển sẽ do bên bán chịu.
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
- Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:
 - + Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.
 - + Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi của ngân hàng để định khoản.
 - + Cuối kỳ, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho lập chứng từ ghi sổ.

Biểu số 7:

Đơn vị: Công ty cổ phần ĐTXD Số 5

Mẫu số S02a-DNN

Địa chỉ:Trần nhân tông Kiến An HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 15/03

Ngày 13 tháng 3 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Nhập mua cấp pha tôn	152	112	20.400.000	
- Thuế GTGT	1331	112	2.040.000	
Cộng			22.440.000	

(Kèm theo 2 chứng từ gốc)

Ngày 13 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

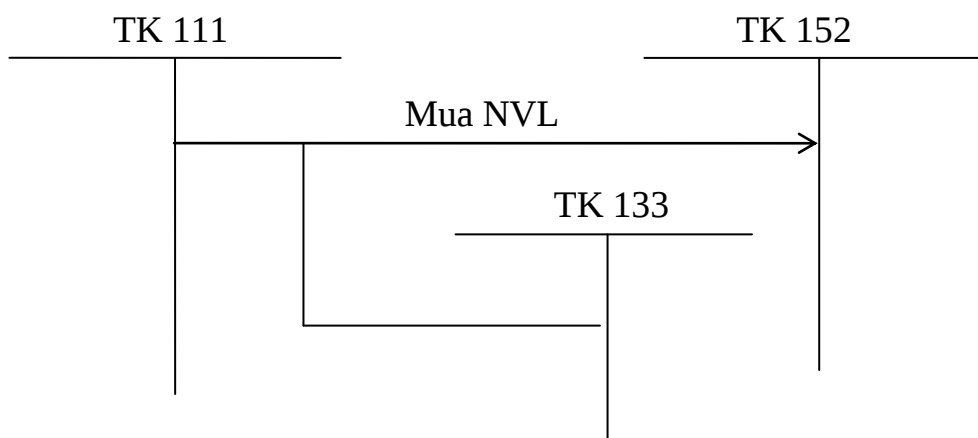
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

****Ngh nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nhưng thanh toán bằng tiền mặt.***

Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày, lập báo cáo quỹ cho phòng kế toán kèm theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi sổ kế toán.

Mô hình nghiệp vụ:



Ví dụ: Ngày 22/03/2010, mua thép SSC Ø6 tại công ty Hà Anh thanh toán ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào hoá đơn GTGT số 000204 có:

Giá chưa thuế: 15.200.000

Thuế GTGT(Thuế suất 10%): 1.520.000

Tổng giá thanh toán: 16.720.000

Theo thoả thuận, toàn bộ chi phí vận chuyển bốc dỡ sẽ do bên bán chịu.

Khi nhận được hoá đơn GTGT trên:

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho, để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Kế toán thanh toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để lập phiếu chi .
- Định kì, Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn GTGT , phiếu nhập kho, phiếu chi lập chứng từ ghi sổ.

Biểu số 8:

Đơn vị: Công ty cổ phần ĐTXD Số 5

Mẫu số S02a-DNN

Địa chỉ: Trần nhân tông Kiến An HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 24/03

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Nhập mua cấp pha tôn	152	112	15.200.000	
- Thuế GTGT	1331	112	1.520.000	
Cộng			16.720.000	

(Kèm theo 2 chứng từ gốc)

Ngày 22 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.4.3.2. Kế toán tổng hợp xuất kho vật liệu.

Vật liệu chủ yếu được xuất kho cho các đội xây dựng và xí nghiệp xây lắp trực thuộc công ty thi công các công trình.

Ví dụ : Ngày 21/3 xuất 700 bao xi măng Chinfon giao cho đội thi công số 3, đơn giá xi măng xuất dùng là 44500đ/bao.

-lập phiếu xuất kho.

-Căn cứ phiếu xuất kho, vào sổ chi tiết vật liệu, sổ kho.

-Lập chứng từ ghi sổ, ghi các chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

-Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu

-Phản ánh vào sổ cái TK152 đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, cuối tháng căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối phát sinh.

-Cuối tháng, căn cứ số liệu trên sổ cái lập báo cáo tài chính.

Biểu số 9:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5

Mẫu số S02a-DN

Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng

(theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 22/03

Ngày 21 tháng 03 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất xi măng cho đội thi công	621	152	31150000	
Cộng			31150000	

Ngày 21 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

(kí ,họ tên)

Biểu số 10:

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5		Mẫu số S02b-DN
Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng. (theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)		
SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ		
Quý 1 Năm 2010		
Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
09/03	5/3/2010	80.800.000
.....		
15/03	13/3/2010	22.440.000
.....		
19/03	19/3/2010	44.000.000
21/03	22/3/2010	31.150.000
22/03	22/3/2010	16.700.000
23/03	22/3/2010	18.400.000
24/03	22/3/2010	16.720.000
.....		
Cộng		312.290.000.000
Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(kí,họ tên)	(Kí,họ tên)	(Kí,họ tên,đóng dấu)

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11 :

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 5			Mẫu số S02c1-DN			
Đc: 1190 Trần Nhân Tông-Kiến An-Hải Phòng.			(theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC)			
SỔ CÁI Quý 1/2010 Tên TK:Vật liệu Số hiệu: 152						
Ngày tháng gs	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	N,thán g		ĐƯ	Nợ	có
			SDDK		<u>5465750000</u>	
			Phát sinh trong kì:			
.....						
31/3	19/03	19/3	-Mua xi măng đã trả bằng tiền mặt.	111	44000000	
31/3	22/03	21/3	-Xuất xi măng cho đội thi công.	621		31150000
.....						
			Cộng phát sinh:		25345350000	23510000000
			SDCK		<u>7310100000</u>	
Ngày.... tháng.... năm.....						
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(kí,họ tên)		(Kí,họ tên)		(Kí,họ tên,đóng dấu)		

2.5. Công tác kiểm kê kho tại công ty:

Xuất phát từ quy định của nhà nước đối với các doanh nghiệp ít nhất phải kiểm kê một năm một lần và yêu cầu thực tế của công ty. Vì vậy vào cuối năm công ty tiến hành kiểm kê kho để kiểm tra số lượng, tình trạng, chủng loại, chất lượng... của từng loại nguyên vật liệu. Cuối năm thủ kho công ty tiến hành kiểm tra số lượng tồn trong kho, chất lượng và mẫu mã của từng loại vật liệu. Sau đó tiến hành đối chiếu với thẻ kho và sổ chi tiết của kế toán nguyên vật liệu. Sau quá trình kiểm kê, thủ kho và kế toán vật tư báo cáo lên giám đốc cùng giải quyết những vật liệu tồn kho nhiều và bị hư hỏng.

Trước khi kiểm kê, thủ kho phải tiến hành hoàn tất thẻ kho, tại phòng kế toán phải khóa sổ kế toán nguyên vật liệu và tính toán giá trị tồn kho vật tư tính đến thời điểm cuối năm theo giá hiện hành.

Thông qua việc cân, đong, đo, đếm...hội đồng biên bản kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê hội đồng kiểm kê cùng ban giám đốc có quyết định xử lý, thích hợp như sau:

Thanh lý, nhượng bán quyết định xử lý bồi thường nếu có nhân viên làm mất hoặc gây hỏng trong quá trình thu mua, vận chuyển hay bảo quản...

Căn cứ vào biên bản xử lý kết quả kiểm kê, kế toán tiến hành ghi sổ.

Ví dụ :Ngày 31/12/2010 công ty tiến hành kiểm kê vật tư cuối năm.Công tác kiểm kê được tiến hành và xác định kết quả như sau :

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12 :

Công ty CPĐTXD Số 5 Trần Nhân Tông-Kiến An- Hải Phòng										Mẫu 05 VT (Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC) Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính					
BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA															
Thời điểm kiểm kê: ...15 giờ.....ngày 31.....tháng 12.....Năm 2010.....															
Ban kiểm kê gồm:															
Ông:.....Phạm Thành Trung.....Trưởng ban.....															
Bà :..... Nguyễn Thị Nga.....Ủy viên.....															
Ông ;.....Hoàng Văn Thúc..... Ủy viên.....															
ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm. hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
									Thừa		Thiếu				
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
1	X măng Chifon	XMT	Tấn	1.200.000	25	30.000.000	25	30.000.000							
2	Thép Φ10	T Φ10	Tấn	16.350.000	12	196.200.000	11,5	8.175.000			0,5	8.175.000			
..			...												
Giám đốc <i>(ý kiến giải quyết, kí đóng dấu)</i>				Kế toán trưởng <i>(kí, họ tên)</i>				Thủ kho <i>(kí, họ tên)</i>				Trưởng ban kiểm kê <i>(kí, họ tên)</i>			

-Công ty đã điều tra và xác định nguyên nhân thiếu 0,5 tấn thép $\Phi 10$ là do thủ kho làm mất.

-Giám đốc ra quyết định thủ kho phải bồi thường toàn bộ số thép bị thiếu bằng tiền mặt.

Kế toán ghi :

Nợ TK 111	:	8.175.000
Có TK 152	:	8.175.000

Phần thứ 3

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5**

**1.ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5.**

Trong suốt quá trình từ khi thành lập công ty CPĐT xây dựng số 5 luôn có hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn phức tạp về nhiều mặt nhất là từ khi có cơ chế kinh tế thị trường. Công ty CPĐT xây dựng số 5 có những bước tiến rõ rệt về nhiều mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và tích cực mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày một hoàn chỉnh hơn (ví dụ như các loại máy thi công, máy móc văn phòng...).
- Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện tại.

Để công ty đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh như hiện nay đòi hỏi nhà quản lý phải quán triệt chất lượng toàn bộ công tác quản lý. Hạch toán kinh tế là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đồng thời cũng là công cụ đặc lực phục vụ cho nhà nước trong quản lý lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Từ đó thực hiện đầy đủ chức năng, phản ánh và giám sát mọi hoạt động kinh tế, chính trị - Kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, thống nhất phù hợp với tính toán khách quan và nội dung yêu cầu của một cơ chế quản lý nhất định. Việc nghiên cứu cải tiến vào hoàn thiện công tác hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ ở các doanh nghiệp là một vấn đề hết sức bức thiết đối với công ty xây dựng số 5 là đơn vị hạch toán kinh doanh tự chủ thì điều này càng trở nên bức thiết hơn và cần thực hiện đúng các nguyên tắc sau:

- *Thứ nhất:* Kế toán vật liệu phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ của hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ do bộ phận chuyên ngành. Trong hạch toán sản xuất kinh doanh, kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ phải đảm bảo cùng một lúc hai chức năng là phản ánh và giám đốc quá trình nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ nhưng phải nhanh chóng kịp thời, cung cấp các thông tin chính xác phục vụ cho quản lý.

- *Thứ hai:* Xuất phát từ đặc trưng cụ thể của doanh nghiệp để tổ chức hạch toán vật liệu một cách hữu hiệu khách quan và tiết kiệm, kế toán phải ghi chép hạch toán đúng theo quy định và vận dụng đúng nguyên lý vào đơn vị mình.

- *Thứ ba:* Kế toán phải căn cứ vào mô hình chung trong hạch toán, những qui định về ghi chép luân chuyển chứng từ của doanh nghiệp để hoàn thiện các sơ đồ hạch toán, ghi chép kế toán.

- *Thứ tư:* Bảo đảm nguyên tắc phục vụ yêu cầu của hạch toán vật liệu theo thể chế và luật lệ mới về kế toán mà nhà nước ban hành.

1.1.Ưu điểm:

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp lãnh đạo công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện hiện nay. Phòng kế toán của công ty được bố trí hợp lý, phân công công việc cụ thể, rõ ràng công ty đã có đội ngũ nhân viên kế toán trẻ, có trình độ năng lực, nhiệt tình và trung thực... đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của công ty.

- Về công tác hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán công ty đã tổ chức hạch toán vật liệu theo từng công trình, hạng mục công trình, trong từng tháng, từng quý rõ ràng. Một năm công ty hạch toán vào 4 quý, một quý 3 tháng được hạch toán một cách đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Về tổ chức kho bảo quản:

Nhằm đảm bảo không bị hao hụt, công ty xây dựng số 5 hiện có 3 kho bảo quản vật liệu vì theo mỗi công trình là một kho. Như vậy đã giúp cho kế toán

thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán giúp cho việc kiểm tra quá trình thu mua, dự trữ và bảo quản, sử dụng dễ dàng hơn.

- Về hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung:

Sẽ tạo điều kiện để kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán của doanh nghiệp. Ngoài ra, hình thức này còn thuận tiện trong việc phân công và chuyên môn hoá công việc đối với cán bộ kế toán cũng như việc trang bị các phương tiện, kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin.

- Việc đánh giá thực tế vật liệu nhập, xuất kho có tác dụng:

Thông qua giá thực tế của vật liệu biết được chi phí thực tế NVL trong sản xuất, phản ánh đầy đủ chi phí vật liệu, CCDC trong giá thành của sản phẩm, xác định đúng đắn chi phí đầu vào, biết được tình hình thực hiện định mức tiêu hao vật liệu, CCDC. Thông qua đó biết được hao phí lao động quá khứ trong giá thành của sản phẩm.

1.2.Hạn chế:

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vật liệu nói riêng tại công ty CPĐT xây dựng số 5 còn có một số hạn chế cần được khắc phục:

- Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết, nhưng do yêu cầu thị trường hiện nay, mỗi công trình được công ty xây dựng là phải đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công nhanh, hạ giá thành, từng công trình hoàn thành bàn giao có giá trị lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lúc đó một kế toán và một thủ kho kiêm thủ quỹ là số ít. Có thể trong cùng thời gian một đội, xí nghiệp thi công từ 1 đến 2 công trình, địa bàn nằm ở khác nhau. Do vậy việc bố trí gọn nhẹ này làm cho công tác kế toán vật liệu ở các đội, xí nghiệp thi công nhiều công trình là thiếu chính xác, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý sản xuất nói chung và hạch toán chi phí vật liệu nói riêng, vấn đề này phòng kế toán công ty và giám đốc cần sớm quan tâm giải quyết sao cho hài hoà đảm bảo đúng quy định về tổ chức công tác kế toán.

-Về công tác hạch toán vật liệu: Việc hạch toán tổng hợp tình hình biến động nguyên vật liệu. Đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng vật liệu cao hoặc một loại vật liệu nhưng có nhiều quy cách khác nhau, với đơn giá khác nhau dễ gây nhầm lẫn thì trước khi tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho công ty nên tiến hành kiểm nghiệm vật tư và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư.

-Việc ứng dụng công nghệ tin học vào công tác hạch toán còn rất hạn chế.

- Việc phân loại NVL ở công ty không tiến hành. Hiện nay vật liệu hạch toán được ký hiệu bởi từng mã vật tư khác nhau và công ty chưa lập sổ danh điểm vật liệu. Công ty vẫn chưa xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, do đó gây khó khăn cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

- Công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu ở công ty. Qua thời gian thực tập tại công ty em thấy công ty chưa thực sự coi trọng công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu. Nếu được thực hiện tốt, việc phân tích này sẽ giúp công ty tìm ra các nhân tố ảnh hưởng tới các khoản chi vật liệu trong giá thành sản phẩm từ đó có biện pháp hạ thấp chi phí, giá thành tăng lợi nhuận cũng như tìm ra các biện pháp quản lý nguyên vật liệu hiệu quả.

2.MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY.

2.1.Nguyên tắc hoàn thiện:

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- Nguyên tắc giá gốc: quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.

- Nguyên tắc thận trọng:để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

2.2. Yêu cầu hoàn thiện:

Kế toán trong doanh nghiệp nói chung mà cụ thể ở đây là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty trong từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý kinh tế tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của nhà nước.

- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì quyết định kinh tế của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế

toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... trong việc ký kết các hợp đồng đầu thầu lớn, thực hiện các khoản vay, các dự án lớn... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán nguyên vật liệu cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một bộ phận trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, không thể thiếu một bộ phận kế toán nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém sẽ đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động xấu tới cả hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập ở công ty, trên cơ sở lý luận đã được học kết hợp với thực tế, em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện và sửa đổi công tác kế toán vật liệu ở công ty CPĐT xây dựng số 5.

- Ý kiến thứ nhất: Thành lập ban kiểm nghiệm vật tư.

Việc quản lý vật tư hiện nay ở công ty CPĐT xây dựng số 5 là tương đối chặt chẽ và đảm bảo nguyên tắc nhập xuất vật liệu, tuy nhiên qua thực tế ở các đội, ta nhận thấy quản lý còn một vài thiếu sót, gây lãng phí vật tư nhất là các loại vật tư mua được chuyển thẳng tới chân công trình như: cát, sỏi, vôi đá... để thuận tiện cho việc xuất dụng sử dụng. Trong công tác thu mua vật liệu, các đội ký hợp đồng mua tại chân công trình, đây cũng là một mặt tốt giảm bớt lượng công việc của cán bộ làm công tác tiếp liệu, tuy nhiên về giá cả có thể không thống nhất, cần phải được tham khảo kỹ, cố gắng khai thác các nguồn cung cấp có giá hợp lý, chất lượng, khối lượng đảm bảo và chọn các nhà cung cấp có khả năng dồi dào, cung cấp vật tư, vật liệu cho đội, xí nghiệp với thời hạn thanh toán sau.

Đảm bảo cho việc thi công xây dựng công trình không bị gián đoạn do thiếu vật

tư. Đồng thời với các công tác trên, phòng kế toán công ty tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát tới từng công trình về việc dự toán thi công, lập kế hoạch mua sắm, dự trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kiểm tra sổ sách, kiểm tra các báo cáo kế toán NVL, CCDC tránh trường hợp vật tư nhập kho lại không đủ chứng từ gốc.

Vật tư, hàng hoá nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho phải những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc là nhập không đủ số lượng so với thực mua. Do đó, tiến tới Công ty cần thành lập ban kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá. Ban kiểm nghiệm cần phải có ít nhất: Một đại diện phụ trách mua hàng, thủ kho, một đại diện phụ trách kỹ thuật sản xuất. Những người trong ban kiểm nghiệm phải thành thạo về mẫu mã, phẩm chất và quy cách của hàng mua. Sau khi nhận hàng mua về, ban kiểm nghiệm cần lập “Biên bản kiểm nghiệm vật tư, hàng hoá” theo mẫu :

Biểu số 13:

Công ty cổ phần ĐTXD Số 5	Mẫu số 03-VT							
Trần Nhân Tông –Kiến An-HP	QĐ số 15/2006/QĐ- BTC							
Ngày 20 tháng 03 năm 2006								
BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá Ngày.....tháng..... năm..... Số:.....								
- Căn cứSốNgày.....tháng.....năm.....của..... - Ban kiểm nghiệm gồm: + Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Trưởng ban. + Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên. + Ông/ bà.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên. Đã kiểm nghiệm các loại:								
STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	4

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

.....

Đại diện kĩ thuật
(Ký,họ tên)

Thủ kho
(Ký,họ tên)

Trưởng ban
(Ký,họ tên)

Đối với những chuyên hàng mua về có giá trị lớn, nhiều chủng loại, thì nhất thiết phải kiểm nghiệm trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nghiệm. Cách ghi chép biên bản kiểm nghiệm như sau:

- Cột D-Phương thức kiểm nghiệm: Ghi phương pháp kiểm nghiệm toàn diện hay xác suất.
- Cột 1: Ghi số lượng theo hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, hay phiếu giao hàng.
- Cột 2 và cột 3: Ghi kết quả thực tế kiểm nghiệm.
- Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Ghi rõ ý kiến về số lượng, chất lượng, nguyên nhân đối với nguyên vật liệu không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất và cách xử lý.

Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận phụ trách cung tiêu, 1 bản giao cho phòng kế toán.

Trong trường hợp nguyên vật liệu không đúng với số lượng, quy cách, phẩm chất so với chứng từ hoá đơn, thì lập thêm một liên nữa và kèm theo các chứng từ liên quan để gửi cho đơn vị bán nhằm giải quyết.

- Ý kiến thứ hai: Về phương pháp xuất kho.

Đối với vật liệu xuất kho, công ty áp dụng 2 phương pháp cho từng loại vật liệu khác nhau. Ví dụ đối với cát, đá... công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Còn đối với vật liệu như xi măng, sắt,... công ty lại áp dụng phương pháp FIFO. Do đó dễ bị nhầm lẫn khi hạch toán, trong thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày rõ phương pháp tính cho từng loại. Công ty nên áp dụng 1 phương pháp chung cho tất cả các loại vật tư, nên áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ cho phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp xây lắp.

- Ý kiến thứ ba: Cần phải xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu hoàn chỉnh và thống nhất.

+ Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại thành từng nhóm khác nhau. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu.

+ Xây dựng danh điểm vật tư là việc quy định những ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số kết hợp với các chữ cái thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Nguyên vật liệu của công ty là đa dạng về chủng loại nên việc lập sổ danh điểm vật liệu thống nhất, hợp lý giữa kho và phòng kế toán là việc làm cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật tư sẽ giúp cho việc quản lý vật liệu được tốt, hạch toán kế toán sẽ chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vi tính hoá kế toán vật liệu, góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán kế toán, xử lý vật liệu nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

+ Việc xây dựng danh điểm vật tư phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phòng ban chức năng quản lý để đảm bảo khoa học, hợp lý phục vụ yêu cầu quản lý của công ty.

+ Về cách xây dựng danh điểm đối với nguyên vật liệu, có thể thực hiện bằng việc mở tài khoản chi tiết theo nội dung kinh tế của nguyên vật liệu.

Ví dụ một số danh điểm nguyên vật liệu ở công ty như sau:

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Kí hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật liệu			
1521		NL, VL chính		
1521 – FA	1521 – A1	Xi măng	Tấn	
	1521 – A2	Thép	Tấn	
.....				...
1522		Nhiên liệu, động lực		
	1522-01	Xăng	Lít	
	1522-02	Dầu điezen	Lít	
.....				...

Một khi hệ thống danh điểm vật tư được xây dựng và công ty ứng dụng tin học vào công tác kế toán thì sẽ phát huy được hiệu quả quản lý, hạch toán nguyên vật liệu.

-Tuy nhiên Sổ danh điểm vật liệu công ty lập chưa khoa học,chưa tạo thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu tại công ty.Ví dụ như đối với Thép gồm: Thép Φ10, Thép Φ12, Thép Φ16,.....Đá gồm: Đá 2x4, Đá 4x6.....

Sau khi tìm hiểu thực tế nguyên vật liệu em xin đề xuất sổ danh điểm vật tư như sau nhằm góp phần hoàn thiện và chi tiết hơn.

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU (2)

Kí hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật liệu			
1521	1521A	NL, VL chính		
	1521 – A1	Xi măng	Tấn	
				
				
	<i>1521 – A2</i>	<i>Thép</i>	<i>Tấn</i>	
	1521 – A21	Thép Φ10	Tấn	
	1521 – A22	Thép Φ12	Tấn	
	1521 – A23	Thép Φ16	Tấn	
	1521 – A24	Thép Φ18	Tấn	
	<i>1521 – A3</i>	<i>Cát</i>	<i>M3</i>	
	1521 – A31	Cát vàng	M3	
	1521 – A32	Cát mịn	M3	
	1521 – A33	Cát đen	M3	
	<i>1521 – A4</i>	<i>Đá</i>	<i>M3</i>	
	1521 – A41	Đá 2x4	M3	
	1521 – A42	Đá 4x6	M3	
	1521 – A4	Vôi	M3	
				...

- Ý kiến thứ tư: Tiến tới đầu tư công nghệ tin học vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Hiện nay, công nghệ tin học phát triển không ngừng, tạo ra những ưu việt trong công tác quản lý, kế toán. Nhiều doanh nghiệp hiện nay cũng đã mạnh dạn đầu tư nhằm tin học hoá công tác quản lý, kế toán, cho phép nâng cao hiệu quả quản lý đồng thời tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Áp dụng phần mềm kế toán sẽ giảm thiểu khối lượng công việc, tránh được tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo tổ chức công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao trong công tác kế toán. Hơn nữa việc áp dụng phần mềm kế toán phải áp dụng cho tất cả các phần hành kế toán để tạo ra sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép và các tính năng của phần mềm được phát huy hết tác dụng.

Để chuẩn bị cho việc áp dụng phần mềm kế toán, công ty nên có kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tin học cho cán bộ kế toán. Điều này sẽ giúp cho việc làm kế toán trên máy được dễ dàng hơn.

-Ý kiến thứ năm: Tiến hành phân tích khoản chi vật liệu trong giá thành.

Chi phí nguyên vật liệu trong giá thành chiếm tỷ trọng lớn nên một sự biến động nhỏ của khoản chi phí này cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản phẩm. Để đạt được lợi nhuận tối đa trong sản xuất kinh doanh công ty cần tìm cách giảm chi phí nguyên vật liệu trong khi vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm tốt. Muốn vậy công ty phải quan tâm đến công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng các loại nguyên vật liệu bao gồm việc phân tích khoản chi phí vật liệu trong giá thành. Mỗi loại sản phẩm tại công ty sản xuất và chế tạo cần nhiều loại vật liệu khác nhau, với mức tiêu hao và đơn giá khác nhau. Với từng loại sản phẩm thì khoản chi phí vật liệu trong giá thành có thể được xác định theo công thức:

$$C_v = \Sigma SL \times \overline{m_i} \times g_i \quad \text{—} \quad F$$

Trong đó:

C_v : Là chi phí vật liệu trong giá thành

SL : Là số lượng sản xuất của một loại sản phẩm

g_i : Là đơn giá vật liệu xuất dùng

F : Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)

$\overline{m}_i$: Mức tiêu hao bình quân của từng loại vật liệu.

Sau đó xác định khoản chi phí vật liệu kế hoạch được điều chỉnh theo sản lượng thực tế:

$$C_{v0}^d = \Sigma SL_1 \times \overline{m}_i \times g_i - F_0^d$$

$$\text{Trong đó: } F_0^d = \frac{F_0 \times SL_1}{SL_0}$$

Sau đó xác định khoản chi vật liệu thực tế:

$$C_{v1} = \Sigma SL_1 \times \overline{m}_{1i} \times g_{1i} - F_1$$

$$\Delta C_v = C_{v1} - C_{v0}^d$$

So sánh giữa khoản chi phí thực tế với kế hoạch sẽ xác định được chênh lệch và có thể đưa ra kết luận về chi phí vật liệu trong giá thành. Từ đó có thể xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố:

- Do mức tiêu hao bình quân thay đổi
- Do giá vật liệu xuất dùng thay đổi
- Do giá trị phế liệu thu hồi thay đổi
- Do sử dụng vật liệu thay thế

.....

KẾT LUẬN

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh và giám sát một cách chặt chẽ, toàn diện tài sản và nguồn vốn của công ty ở mọi khâu trong quá trình sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, thì việc hoàn thiện công tác kế toán vật liệu của công ty là một tất yếu. Nhất là trong việc chuyển đổi môi trường kinh tế, việc tổ chức kế toán vật liệu đòi hỏi còn phải nhanh chóng kiện toàn để cung cấp kịp thời đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các định mức dự trữ ngăn ngừa hiện tượng hư hụt, mất mát lãng phí vật liệu.

Trên góc độ người cán bộ kế toán em cho rằng cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận lẫn thực tiễn. Mặc dù có thể vận dụng lý luận vào thực tiễn dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng phải đảm bảo phù hợp về nội dung và mục đích của công tác kế toán.

Do thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế không dài, trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế nên chuyên đề này không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến, giúp đỡ của thầy cô giáo khoa Kế toán kiểm toán- trường Đại học dân lập Hải Phòng.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Nguyễn Xuân Năm và các cán bộ kế toán công ty CPĐT xây dựng số 5 đã nhiệt tình giúp đỡ em trong việc hoàn thành chuyên đề này. Xin chúc công ty CPĐT xây dựng số 5 thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!